NHÂN DÂN HOÀ-KỲ
với sự góp-tác của
BỘ GIÁO-DỤC
VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
thân táng
các Trường Tiêu-học tại Việt-Nam

SÁCH NÀY KHÔNG BÀN
ĐỊA-LÝ
LỚP NHỊ

SÁCH ĐỊA-LÝ BẠC TIỂU-HỌC
BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN
1966
SÓAN-THÁO VÀ ÁN-HÀNH TRONG KHUỘN-KHÓ CHƯƠNG-TRÌNH HỌP TÁC GIỮA BỘ GIÁO-ĐỨC VÀ PHÁI BỘ KINH-TẾ HOA-KỲ TẠI VIỆT-NAM

SÓAN-THÁO dürơì sỹ éxito huông-dân cúa:

Ông TRÍNH-HUY-THIÊN
Nguyễn Chánh-sự-vụ Sở Học-liệu
và
Ông LÝ-CHÁNH-DỨC
Chánh sự-vụ Sở Học-liệu
Với sự tham-gia ý-kiên cúa:
Ông ĐỊNH-GIA-DZU
Đại-diện Nha Giám-dộc Tiêu-học
và
Ông FRED J. ARMISTEAD, Ph. D.
Phái-doàn Đại-học-duòng Southern Illinois
và
Bà MABEL RING, M. Sc, B. Com.
với sự giúp dỗ về kỹ-thuật cúa
Ông RALPH H. HALL, Ph. D
Phái-bộ kinh-tế Hoa kỳ tại Việt-nam.
BAN BIỂN TẬP:

Soạn - gia:
- ĐINH NGỌC ÂN
- ĐINH TÂN TÀI
- ĐINH CÔNG TẤM

Hoa - si:
- LÊ VĨNH PHÁT
- LÊ CHÁNH

Chuyên - viên Tu - thur:
- Bà LÊ DOẢN KIM

Chuyên - viên Hoa - ký:
- Ông FRED J. ARMISTEAD
  Bà MABEL RING
LỜI NÓI ĐẦU

Sởn quyền ĐỊA LÝ lớp Nhì, chúng tôi nhằm mục đích cung cấp một phương tiện học tập thích nghi với trình độ hiểu biết của trẻ lên 9, 10 tuổi để chúng tìm thấy hứng thú và thư-tháp dễ dàng những điều mới lạ; đồng thời, cũng hiện cho các bạn giáo chức một tài liệu giáo khoa linh tông và hữu hiệu.

Vi thể chúng tôi trình bày theo một lề lối mới; mỗi bài học gồm có:


— EM NHỨC: là những điểm chính trong bài học để cho trẻ ghi nhớ.

— EM CÓ BIẾT KHÔNG?: là những câu hỏi chính để giúp cho trẻ kiểm điểm lại những điều đã học hỏi

Ngoài ra, mỗi phần còn có một bài ồn, dưới hình thức câu hỏi trắc nghiệm.

Với hình thức mới này, chúng tôi hy vọng quyền ĐỊA LÝ lớp Nhì sẽ đem lại cho trẻ em một sự thích thú khi học môn này, và giúp các bạn giáo viên một phương tiện thực - thục trong khi giảng dạy.

Đủ sao, chúng tôi chắc rằng sách này không tránh khỏi khuyết - điểm và Thiết - tha đôi sự nhận xét và lời chia - giao của tất cả Quy Ban đồng - nghiệp.

Chúng tôi bồi - phán cảm - tạ.

Soạn giả.
CÁC EM HỌC - SINH THẦN - MỄN,

Năm nay, các em được lên lớp Nhi, chắc các em thác-mặc không biết sẽ học những bài gì về Địa-lý.

Các em sẽ học về nước Việt-Nam và bốn nước lân cận.

Nghe qua, các em thấy to-ngại lắm, phải không?

Không đâu! Để làm! Các em hãy quan-sát những bài ảnh trong mỗi bài và theo dõi từng trang nhật-ký của em Tấn, sẽ thấy môn Địa-lý lớp Nhi không có chút gì khổ-khăn như các em đã tưởng.

Tấn là một học-sinh ưu-tu, nết-na, ngoan-ngoan, xáp-xí ludicrous của các em và cùng vưa được lên lớp Nhi như các em.

Tấn có người chi tên Ngọc, là một sinh-vién đi-học và một đứa em tên Công, học lớp Ba.


Vì đây, những trang nhật-ký bắt đầu...
# MỤC LỤC

<table>
<thead>
<tr>
<th>Chương</th>
<th>Tựa A</th>
<th>Trang</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td><strong>PHẦN I: ĐỊA-LÝ VIỆT-NAM</strong></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Cach ve ban do — Viet-Nam hinh-the</td>
<td>17</td>
</tr>
<tr>
<td>1</td>
<td>Ví-tri, gioi-han, diện-tích</td>
<td>20</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Núi</td>
<td>24</td>
</tr>
<tr>
<td>3</td>
<td>Cao-nguyen</td>
<td>28</td>
</tr>
<tr>
<td>4</td>
<td>Binh-nguyen</td>
<td>32</td>
</tr>
<tr>
<td>2</td>
<td>Bien va bo bien</td>
<td>36</td>
</tr>
<tr>
<td>6</td>
<td>Khi-hau</td>
<td>40</td>
</tr>
<tr>
<td>7</td>
<td>Song ngoi</td>
<td>44</td>
</tr>
<tr>
<td>8</td>
<td>Bái ơn: Viet-Nam thiện nhiên</td>
<td>48</td>
</tr>
<tr>
<td>CHƯƠNG 2: VIỆT-NAM NHÂN-VĂN</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>9</td>
<td>Dân cu: Nguoi Viet-Nam</td>
<td>52</td>
</tr>
<tr>
<td>10</td>
<td>Dân thiếu-số và ngoại-kiều</td>
<td>56</td>
</tr>
<tr>
<td>11</td>
<td>Việt-Nam chinh-trị</td>
<td>60</td>
</tr>
<tr>
<td>12</td>
<td>Việt-Nam nhân-văn</td>
<td>64</td>
</tr>
<tr>
<td>13</td>
<td>Bái ơn: Việt-Nam nhân-văn</td>
<td>68</td>
</tr>
</tbody>
</table>

| CHƯƠNG 3: VIỆT-NAM KINH-TÉ | | |
| 14 | Nông-nghiệp | 72 |
| 15 | Nông-sản | 76 |
| 16 | Chăn-núi | 80 |
| 17 | Hải-sản: Chải-lưới | 84 |
| 18 | Lâm-sản | 88 |
| 19 | Khoáng-sản | 94 |
| 20 | Tiêu công-nghệ | 98 |
| 21 | Đại kỹ-nghệ | 102 |
| 22 | Thương-mại | 106 |
| 23 | Bái ơn: Sinh-hoạt kinh-tế | 110 |

| CHƯƠNG 4: VIỆT-NAM: BUÔNG GIAO - THÔNG | | |
| 24 | Duong bo | 112 |
| 25 | Duong xe lua va duong hang khong | 116 |
| 26 | Duong thuy | 120 |
| 27 | Bái ơn: Duong giao - thong va Viet-Nam | 124 |

<p>| PHẦN II: CÁC NUỘC LÀN-CÂN | | |
| CHƯƠNG 1: CAM - BÓT | | |
| 28 | Cam.Bót thiện-nhiên | 128 |
| 29 | Cam.Bót nhân-văn | 132 |
| 30 | Cam.Bót kinh-tế | 136 |
| 31 | Bái ơn: Cam.Bót | 140 |</p>
<table>
<thead>
<tr>
<th>Trang</th>
<th>CHƯƠNG 2: AI - LAO</th>
<th></th>
<th></th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>7 32</td>
<td>Ai-Lao thiên-nhiên</td>
<td>...</td>
<td>142</td>
</tr>
<tr>
<td>33</td>
<td>Ai-Lao nhân-văn</td>
<td>...</td>
<td>146</td>
</tr>
<tr>
<td>34</td>
<td>Ai-Lao kinh-tế</td>
<td>...</td>
<td>150</td>
</tr>
<tr>
<td>35</td>
<td>Bài ôn: Ai-Lao</td>
<td>...</td>
<td>154</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Trang</th>
<th>CHƯƠNG 3: TRUNG - HOA</th>
<th></th>
<th></th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>8 36</td>
<td>Trung-Hoa thiên-nhiên</td>
<td>...</td>
<td>156</td>
</tr>
<tr>
<td>37</td>
<td>Trung-Hoa nhân-văn</td>
<td>...</td>
<td>160</td>
</tr>
<tr>
<td>38</td>
<td>Trung-Hoa kinh-tế</td>
<td>...</td>
<td>164</td>
</tr>
<tr>
<td>39</td>
<td>Bài ôn: Trung-Hoa</td>
<td>...</td>
<td>168</td>
</tr>
</tbody>
</table>

<table>
<thead>
<tr>
<th>Trang</th>
<th>CHƯƠNG 4: THÁI - LAN</th>
<th></th>
<th></th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>9 40</td>
<td>Thái-Lan thiên-nhiên</td>
<td>...</td>
<td>170</td>
</tr>
<tr>
<td>41</td>
<td>Thái-Lan nhân-văn</td>
<td>...</td>
<td>174</td>
</tr>
<tr>
<td>42</td>
<td>Thái-Lan kinh-tế</td>
<td>...</td>
<td>178</td>
</tr>
<tr>
<td>43</td>
<td>Bài ôn Thái-Lan</td>
<td>...</td>
<td>189</td>
</tr>
</tbody>
</table>

PHẦN I
NUỚC VIỆT-NAM
CHƯƠNG I
VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN
CÁCH VẾ BẢN ĐỒ
VIỆT-NAM HÌNH-THẾ

Hình-thế nước Việt-Nam nằm trong khuôn hình chữ
nghệ (ABCD) có chiều dài AD bằng hai chiều rộng AB.
Chia hình chữ-nghệ làm 32 ô vuông (chiều dài 8 phần
x chiều rộng 4 phần) và kẻ những đường chéo để ghi
số cho 23 giao điểm chính.

Nơi những giao-diểm theo số thứ-từ. Từ số 5 (Mông-
Cái) đến số 15 (Hà-Tiên) là bờ biển nước Việt-Nam.

LƯU Ý:

- Mỗi cạnh ở vuông bằng 3 hàng trong tập học-sinh.
- Bờ biển dùng đường thẳng và dja giới dùng
dường gạch ngần.
- Dùng chỉ màu thì bờ biển tô xanh và dja giới tô đỏ.
1. VI - TRÍ - GIỚI - HẠN
DIỄN - TÍCH

EM QUAN - SÁT VÀ SUY - LUẬN:

Hình 1: Chò tô vàng trên quả địa cầu là nước Việt Nam.
- Vây nước Việt Nam ở phần nào của quả địa cầu? Việt Nam ở miền nào của Châu Á? So sánh diện tích toàn diện của quả địa cầu thì nước Việt Nam như thế nào?

Hình 2: Bản đồ vị trí nước Việt Nam.
- Nước Việt Nam giống hình chữ gì? Hai đầu Bắc phần và Nam phần so với Trung phần thì thế nào? Về phía Bắc, Việt Nam giáp ranh với nước nào? Phía Đông và Nam hướng về đâu?
Ngày... tháng... năm 19...

Tối nay, Công và Tân đang ngồi xem truyền
vui thi chữ Ngọc bảo hai em sửa-soán hành lý để
mai đi viếng núi Bà-Đen. Công và Tân đồng nói:
— Thưa,chị,xong rôi!
Tân thích-mặc, không biết núi Bà-Đen ở đâu,nên
dì tìm bán-dó mang đến bên chị hồi:
— Thưa chị, núi Bà-Đen ở chỗ nào trên bán
đó này?
Công cùng chây đến xem. Chị Ngọc nhìn vào
bán dô cười nói:
— Em lấy bán dô thế-giói thì làm sao thấy được
núi Bà-Đen. Hãy em nhìn xem, nước Việt-Nam mà
nhơ bè thể này thì làm sao thấy núi ấy được.
Công chưa hiểu gì về nước Việt-Nam, nên hỏi chị:
— Thưa chị, có phải nước Việt-Nam hình cong
như chữ S đây không?
— Phải đấy! Nước Việt-Nam nằm dọc theo bờ
biển, chiều một vị-tri đặc biệt của miền Đông-Nam-
Á và là một trận giao-thông quốc-tê, nó liên quan đến Việt-Dông.

Chị Ngọc nhìn Tân hỏi:
— Em thử nói xem nước Việt-Nam giáp với các
nước nào?
Tân nhìn vào bán dô, cười đáp:
— Việt-Nam Bắc giáp Trung-Hoa, Tây giáp Ai-Lao
và Cam-Bốt, Đông và Nam giáp biên.
Chị Ngọc xoa đầu Tấn khen:
— Giới lắm, nhưng em chưa nói rõ biên nào? Đây
nê, vịnh Bác phạn, biên Nam-Hải và vịnh Thái-Lan.

Công nhận xét:
— Nước Việt-Nam dài và hẹp quá, chị hà? Hai
dâu thì nơ ra và giữa thì thật eo lại.

Chị Ngọc dặn-giải thêm:
Chỗ hẹp nhất ở miền Trung, ngang Đồng-Hới
dài do được 35km. Chịu dài từ Bắc thang xuống Nam
do 1.600km. Diên-tích ước-dô 326.000km².

EM NHỚ:

Nước Việt-Nam ở miền Đông-Nam Châu Á, có
một địa điểm quan trọng trên đường giao thông
quốc tê.
Phía Bắc, Việt-Nam giáp Trung-Hoa; phía Tây giáp
Ai-Lao và Cam-Bốt; Đông và Nam giáp vịnh Bắc-phản,
biên Nam-Hải và vịnh Thái-Lan.

Nước Việt-Nam hình cong như chữ S, có một diên-
tích ước-dô 326.000km².

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Nước Việt-Nam ở miền nào Châu Á?
2. Tại sao nước Việt-Nam được xem là một địa điểm
quan trọng trên đường giao thông quốc tê?
3. Nước Việt-Nam giáp ranh với các nước nào và
biên nào?
   — Nước Việt-Nam, Bắc giáp .........
   Tây giáp .
   Đông và Nam giáp ............ và .........
4. Nước Việt-Nam hình gì?
5. Diên-tích nước Việt-Nam ước-dô bao nhiêu?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Một trong những dãy núi ở miền Lạng-Sơn (Bắc-phận).
- Em thấy dãy núi trên như thế nào? Có hiểm-trở không? Có cao lấm không?

Hình 2: Những dãy núi ở hai bên ngân sông Hồng (Bắc-phận).
- Những đường ránh mà em thấy trên hình là gì? Duối trận núi có nhà cửa không? Tại sao người ta ít cát nhà trên núi?

Hình 3: Đèo Cả, một trong những đèo ở Trung-phận.
- Em có đi đến Đèo Cả lần nào chưa? Đèo Cả ở đâu? Thế nào là đèo?

Hình 4: Núi Bà-Den, cao 884m, ở Tây-Ninh (Nam-phận).
EM BỘC:

Ngày... tháng... năm 19...


Trên đường đi, Tần thấy có vài ngọn núi lề-long nhỏ lên giữa những đồng-bằng.bat-ngắt. Bồng một ý-nghi đến với Tần:

— Chì a! Ô miền Bắc và Trung có nhiều núi không?

Chị Ngọc vui-vẻ giải-thích:


Công xen vào:

— Ô miền Nam có nhiều núi không, chị?

Chị Ngọc tươi cười đáp:

— Có chứ! Như từng ngọn lề-loi thời, như núi Bả-Den mà mình sắp đi đến đây, núi Chứa-Chan, núi Thất-Sơn, núi Long-Hài...

EM NHỚ:

Miền Bắc nước Việt-Nam có 5 dãy núi chính là Nhi-Thà, Sông-Gấm, Ngàn-Sơn, Bả-Sơn và Đồng-Trí.

Miền Trung có dãy Trường-Sơn chạy dài từ Bắc xuống Nam.

Miền Nam có núi Bả-Den, Chứa-Chan, Thất-Sơn, Long-Hài...

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Miền Bắc nước Việt-Nam có những dãy núi nào?
2. Tại sao gọi là dãy Nhi-Thà?
   Vi dãy núi này chạy dọc theo sông..... và sông......
3. Miền Trung có dãy núi nào?
5. Miền Nam có những núi nào?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Trần cao-nguyen Bác-phant, một người Mèo đang cày-xôi.
- Người Mèo đang cày-xôi ở đâu? Thế nào là cao-nguyen? Thường thường trên cao-nguyen người ta trồng những gì?

Hình 2: Những thửa ruộng trên cao-nguyen, miền Thượng-du Bác-phant.
- Em thấy những gì ở hình trên? Trần cao-nguyen có nhiều ruộng không? Tại sao?

Hình 3: Cao-nguyen Lâm-Viễn, thuộc Trung-phant, một trong những thàng cảnh ở Việt-Nam.
- Em có nghe nói «đồi thằng» lần nào chưa? Đồi có phải là núi không? Đồi thằng do thiên nhiên hay do loài người tạo nên?

Hình 4: Bến đò Tô-Châu ở Hà-Tiên.
- Bến kia bên đò, xa xa em thấy những gì? Những mầm nhỏ lên trong hình là gì? Miền Nam Việt-Nam có nhiều núi đồi không?
Ngày... tháng... năm 19... 
Mới 5 giờ sáng, chị Ngọc đã đánh thức Công và Tấn dậy sửa-soạn để đi nghỉ mát ở Đà-Lạt.
Khi xe chạy khởi Biên-Hoa, Tấn thấy đường như mình đang lên một cái dốc dài. Thịnh-thoại hai bên đường có vài ngọn núi nhỏ lên và vài thung-lũng sâu thẳm. Tấn ngạc-nhiên hỏi:
— Thưa chị, cái dốc này là dốc gì mà dài quá vậy?
— Không phải dốc đâu, em à! Dây là chứng minh đang leo dốc để lên vùng cao-nguyên đó.
Công xen vào:
— Vất Đà-Lạt ở vùng cao-nguyễn sao, chị?
Tấn lại hỏi:
— Nóì nào có nhiều núi cao là nóì đó có cao-nguyễn phải không, chị?
— Gần đúng như vậy, vì cao-nguyễn là chỗ dải cao hơn mặt nước biển nhiều. Ôi Bắc và Trung-phasis có rất nhiều cao-nguyễn rộng lớn, còn ở miền Nam thì chỉ có những ngọn dồi nhỏ lê-loi nhỏ lên trên cảnh dồng bao la mà thôi.
Tấn muốn biết rõ thêm:
— Ôi miền Bắc và Trung-phasis có cao-nguyễn nào quan-trọng, hà chỉ?
Đến đây, Tấn rùng mình vi không-khi đã đói lanh, ...em với lục tìm áo len mặc vào.
4. BÌNH-NGUYỄN

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Cảnh đồng ruộng mênh-mông với người nông dân cây lúa.
- Em có đi về đồng ruộng chai bao giờ chưa? Em thấy hai người nông dân đang làm gì đây? Xa xa trong những tận cây rạ, em thấy những gì? Đồng bàng còn đủ giòi là gì nữa?

Hình 2: Bình- nguyễn Bắc- phan với con đê chạy theo bờ sông.
- Người nông dân đang hi- hục làm việc gì với con đê? Tại sao những người dân bờ đê gánh thương, gánh rom dì trên cao vậy? Bề đê này có ích lợi gì?

Hình 3: Bình- nguyễn Trung- phan nhỏ và hẹp.
Hình 4: Đồng-bằng miền Nam sâu, rộng, bất-ngật.


EM ĐỌC:

Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay, chị Ngọc, Công và Tấn từ Đà-Lạt đi Nha-Trang. Xe chạy quanh-co theo suôn nui, TầnLEC biến mình:

- Tại sao người ta không làm đường thẳng, hà chỉ?

- Vì ta ở trên cao-nguyễn mà xuống bình-nguyễn thì phải đi qua những đường đéo như vậy. Đeo mà ta đang xuống dầy là đéo Ngoạn-Mộc đó.

Nay gió, Công lo quan-sát cảnh vật bên lề đường, quay lại nói:

- Chị Ngọc nè! Bây giờ đường thẳng rõi, không còn đéo nữa.

- Vì chúng ta đã xuống tới vùng bình-nguyễn rõi.

Tần thác-mắc:

- Thưa chị, nước ta có nhiều bình-nguyễn không?


- Thưa chị, em nghe nói ở Bắc-phần thường bị nản lụt, phải khốn chịu?

- Phải đấy! Vi đến mùa mưa, nước nước ở hai sông này đăng lên cao lắm. Do đó, người ta phải đắp đê để tránh nản ngập-lụt.

EM NHỚ:

Bình-nguyễn Bắc-phận do phù-sa của hai con sông Hồng-Hà và Thái-Bình bơi thành. Đề giữ cho bình-nguyễn khỏi nản ngập-lụt, người ta phải đắp đê ở hai sông ấy.

- Bình-nguyễn Trung-phận nhỏ và hẹp, ở ven bờ biển, đắt xâu, nhưng quan-trọng cho việc giao-thông.


EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Bình-nguyễn Bắc-phận do phù-sa của những con sông nào bơi thành?
2. Tại sao bình-nguyễn Bắc-phận thường bị ngập-lụt vào mùa mưa?
3. Tại sao ở Trung-phận không có những bình-nguyễn rộng lớn như ở Bắc và Nam-phận?
4. Bình-nguyễn Nam-phận đợ phù-sa của những con sông nào bơi thành?
5. Dân-cư ở miền bình-nguyễn có đông-dúc không? Tại sao?
5. BIỂN VÀ BỞ BIỂN

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Một chiếc thuyền buồm đang ra khơi.
- Thế nào là ra khơi? Em thấy trên mặt biển có những gì?
- Đường thẳng ngang trong hình là đường gì?


- Em có nghe nói đến bãi biển Nha-Trang chưa? Cát ở miền này thế nào? Những cát che bông rất trên bãi biển do người trồng Hay do thiên nhiên tạo nên?

Hình 4: Bãi Ô-Quan ở Yến-Tậu (Nam-phasis).
- Phong cảnh này ở đâu? Em có thấy đường chấn trời không?
- Tại sao trên bãi Ô-Quan có nhiều đá?
Ngày... tháng... năm 19...
Sáng nay, ba chiều em cũng ra bãi biển tắm. Vừa thưởng thức những chén xung narcotics, Tần rung mình la:
- Nước lạnh quá! Á, chị Ngọc nhé! Có phải biển này là biển Nam-Hà không, hả chị?
- Phải! Đọc theo bố biển này ra Bắc và ở vùng Bắc-Việt, còn cuối bố biển này về phía Nam thì là vùng Thái-Lan.
- Công chạy đến đâu tay chị, chị ra ngoài biển khơi.
- Ngoài kia có phải là đảo không, chị?
- Phải đấy! Đó là Hòn Chùa. Đọc theo bố biển Việt-Nam còn có nhiều đảo quan trọng khác là cáy Cái Bành, Cái Bầu, Cát Bà, Hoàng-Sa, Côn-Son, Phú-Quốc...
Tân xin chị chiếu nay dân Công và Tần ra Hòn Chùa. Chồng chiều vi em nghe người nhà ở đây có nhiều hòn đá đẹp lắm, Công nghe liền hỏi chị:
- Ông hành biển cũng có đâu nữa sao?
- Có chứ! Chỗ nào núi chạy ra tới biển lâ bố biển lớn và nhỏ nhũng đó,
- Tần hỏi:
- Vậy bố biển Việt-Nam có nhiều chỗ lớn-chôn không?
- Bố biển Việt-Nam hình congh như cù S, chạy từ sông Mống-Cái (Bắc-Việt) đến Hà-Tiên (Nam-Việt) dài 2.500 km, có thể chia làm 4 đoạn:
1. Từ Mông-Cái đến Hải-Phong: bố biển khá, lởm-chơn;
2. Từ Hải-Phong đến Qui Nhơn: bố biển thấp và phẳng;
3. Từ Qui Nhơn đến Phan Rang: bố biển hiểm-trò, giới ghé;
4. Ở phía Đông Việt-Nam là biển Nam-Hải.
Các đảo quan trọng ở Việt-Nam là Cái Bành, Cái Bầu, Cát Bà, Hoàng-Sa, Côn-Son, Phú-Quốc...
Bố biển Việt-Nam dài 2.500 km có các vịnh Hạ-Long, Khoái-Từ-Long, Nha-Trang, Cam-Ranh và có thể chia ra làm 4 đoạn: hai đoạn gó-ghê, hiểm-trò và hai đoạn thấp và phẳng.
5. Có biết không?
1. Ở phía Đông Việt-Nam có biển gì?
2. Bố biển Việt-Nam có thể chia làm mấy đoạn?
3. Hai đoạn thấp và phẳng chạy từ đâu đến đâu?
- Từ Hải-Phong đến...
- Từ... đến Hà-Tiên.
4. Chỉ tên bốn doan gó-ghê từ Qui Nhơn đến Phan Rang?
5. Các vùng quan trọng ở những doan bô biển phẳng hay gó-ghê?
6. KHÍ-HÂU

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Cánh suồng mủ ở Đăk-Lạt.
   - Táy sao trong hình này, cánh có xa bị mê? Khó có suồng mủ, thời tiết nóng hay lạnh? Những đầu bóng-lung trên mặt đường là gì?

Hình 2: Một cây giữa đang đi trong mưa phủn ở miền Bắc.
   - Em có nghĩ nói "mưa phủn gió bắc" không? Thế nào là mưa phủn gió bắc? Trong Nam có mưa phủn không?

Hình 3: Một cánh luyết-lợi.

Hình 4: Bãi biển Vũng-Tàu (Nam-phận)
   - Người ta ra bãi biển để làm gì? Mùa nào người ta thường đi tắm biển?
EM ĐỌC:

Ngày... tháng... năm 19....

Ngồi trên bái cát trắng phau, dưới những tán cây rậm rạp mà Tần vẫn cảm thấy nóng - nực. Công tham phiền:

— Sao trưa ở đây nóng cùng như ở Sài-gọn vậy, chị Ngọc hả?

Chị Ngọc tươi cười giải thích:

— Nước mình ở vùng nhiệt đới nên khí hậu nóng và ấm. Miền Nam thì nóng quanh năm, nhiệt độ thay đổi từ 25 đến 30 °V. Vi Nha-Trang ở gần Miền Nam, nên nóng như thế này không có gì là lạ làm đâu. Miền Bắc thì có hai mùa: mùa nóng từ tháng 5 đến tháng 10, mùa lạnh từ tháng 11 đến tháng 4, nhiệt độ thay đổi từ 12 đến 32 °V.

Tần thắc mắc:

— Thưa chị, nhưng thằng khác có nóng như vậy không?

— Tuy mùa, em ạ! Vi nước ta ở trong khu vực gió mùa. Ở miền Bắc về mùa nóng, gió nồm thổi từ Đồng Nam lên Tây-Bắc, có mưa rào; về mùa lạnh, gió Bắc thổi từ Tây-Bắc xuống Đồng-Nam, có mưa phun. Ở miền Nam, về mùa mưa, từ tháng 5 đến tháng 10, gió Nam thổi từ Tây-Nam lên Đồng-Bắc; về mùa nắng, từ tháng 11 đến tháng 4, gió Bắc thổi từ Đồng-Bắc xuống Tây-Nam.

Tần hồi tiếp:

— Ở Bắc và Trung-Phần thường hay có bảo tô phải không, chị?

— Phải! Còn ở Nam-Phần thì ít khi có bảo.
7. SÔNG-NGÔI

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Trên mặt sông Hồng vào lúc bình-minh.
   • Trên mặt sông Hồng, em thấy có gì? Sông-ngôì dem nguồn-lại gi cho dân ta? Một sông có sông to như biển cả không?

Hình 2: Phong cảnh sông Hồng vào mùa nước lũ.
   • Em có thấy những bái với nhà cửa san-sát trên sông Hồng không? Em thấy bên màn sông Hồng có gì? Viết đáp để có lại ích gì?

Hình 3: Cảnh sông Hương của Cố-dô Huế.
   • Em có nghe nói « sông Hương núi Nguy » lần nào chưa? Trên dòng Hương-giang, em thấy có những gì? Một nước sông Hương thể nào?

Hình 4: Sông Cửu-long ở Nam-phin trong mùa nắng ráo.
   • Người ta thường đi lại trên sông bằng gì? Tại sao người ta thích dừng xuống? Em có thấy những rạng dùa xanh đợc Theo bờ sông không?
Ngày... tháng... năm 19....

Chiều nay, Công và Tấn được chỉ Ngọc dẫn đi chơi thuyền trên sông Sài-gòn. Công thích thú, làm Tấn thích mê:

— Ông nước ta có nhiều sông-ngoại không, hà chi?

— Ông nước ta có rất nhiều sông-ngoại. Bắc-phần có hai con sông chính là sông Nhị và sông Thái-Bình, cũng các con sông khác như Băng-Giang, Bắc-Giang, Kỳ-Quảng...

Sông Nhị còn gọi là sông Hống-Hà, dài lôi 1.200km phát-nguyến từ Vạn-Nam, chảy đỗ ra vịnh Bắc-phần, qua Lào-Cai, Yên-Bái.

Sông Thái-Bình do sông Thương, sông Cầu, và sông Lục-Nam hợp-thành. Tầu-lậu lưu thông dễ dàng trên sông này.

Trung-phần có hai con sông chính là sông Mả và sông Cả, cũng sông khác như sông Gianh, sông Bên-Hải, sông Hương...


Tấn hỏi chi:

— Theo như trong bến dò thì Trung-phần hệt, do đó sông ngồi ở đây ngắn làm phải không, chăng?

— Phải đấy! Con ở Nam-phần có hai con sông chính là sông Cửu-Long và sông Đồng-Nai, cũng các sông khác như sông Mỹ-Thanh, Gành-Hào, Ông-Dộc.

Sông Cửu-Long dài đỗ 4.200km, phát-nguyện từ Tây-Tạng chảy ra biển Nam-Hải qua các nước Miền-Điện, Ai-Lào, Thái-Lan, Cam-Bốt và Nam-phần Việt-Nam....

Sông Đồng-Nai dài đỗ 500km, phát-nguyện từ cao-ngoại Lâm-Viên có các phù-luru là sông La-Quan, sông Bê, sông Sài-gòn...

EM NHỚ:

— Ông Bắc-phần có hai con sông chính là sông Nhị và sông Thái-Bình cùng các sông khác như Băng-Giang; Bắc-Giang, Kỳ-Quảng...

— Ông Trung-phần có hai con sông chính là sông Mả và sông Cả, cũng các sông khác như sông Gianh, sông Bên-Hải, sông Hương...

— Ông Nam-phần có hai con sông chính là sông Cửu-Long và sông Đồng-Nai cùng các sông khác như Mỹ-Thanh, Gành-Hào, Ông-Dộc...

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Sông Nhị còn gọi là gì?
2. Sông Nhị phát-nguyền ở đâu?
3. Sông Chu là phù-luru của sông nào?
4. Sông-ngoại miền Trung như thế nào?
5. Sông Đồng-Nai có phù-luru nào quan-trọng?
6. Miền Nam có nhiều sông-ngoại không?
7. Sông Cửu-Long phát-nguyền từ đâu?
8. HỌC ÔN
VIỆT-NAM THIÊN-NHIÊN

1. Nước Việt-Nam giáp ranh với:

<table>
<thead>
<tr>
<th>Các nước</th>
<th>Bắc</th>
<th>Tây</th>
<th>Đồng</th>
<th>Nam</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Ai-Lao</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Trung-Hoa</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Cam-Bốt</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Biên Nam-Hải</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

2. Diện tích nước Việt-Nam được bao nhiêu?
   a. 255.000km²;   b. 300.000km²;   c. 326.000km²
   d. 350.000km²;   e. 400.000km²

3. Em cho biết tên những đầy lớn ở Việt-Nam:
   1. . . . . . . ; 4.
   2. . . . . . . ; 5.
   3. . . . . . . ; 6.

4. Em cho biết các cao nguyên dưới đây ở miền nào?

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tên các cao nguyên</th>
<th>Bắc-phan</th>
<th>Trung-phan</th>
<th>Nam-phan</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Di-Linh</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Sơn-La</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Mộc-Châu</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Lảm-Viên</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Gia-Lai</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Bắc-Lạc</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

5. Tại sao ở Nam-phan không có cao nguyên rộng lớn?

6. Bình-nuyến nào có những đặc-tính ghi ở cờ tay trái?

<table>
<thead>
<tr>
<th>Đặc-tính</th>
<th>Bình-nuyến Bắc-phan</th>
<th>Bình-nuyến Trung-phan</th>
<th>Bình-nuyến Nam-phan</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Đô phủ - sa sông Cửu-Long và Đồng-Nai то thành.</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Đô phủ - sa sông Hồng-Hỏa và Thảo-Bình то thành.</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Hình tam giác.</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Nhỏ và hẹp.</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Vợ thạc lớn nhất.</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

7. Miền nào có các con sông dưới đây?

<table>
<thead>
<tr>
<th>Các con sông</th>
<th>Nam</th>
<th>Trung</th>
<th>Bác</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Cửu-Long</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Hồng-Hỏa</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Đồng-Nai</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Thảo-Bình</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Mả, Cả</td>
<td></td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

8. Nước Việt-Nam ở vào miền nào trên trái đất?
   a. Xích-dơi       d. Nhiệt-dơi
   b. Ôn-dơi         d. Hán-dơi
   c. Bắc-cực       e. Nam-cực
CHƯƠNG II
VIỆT-NAM NHÂN-VĂN
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Y-phục phu-nữ Việt-Nam qua các thời đại.
- Hiện nay y-phục phu-nữ Việt-Nam như thế nào?
- Y-phục ngày xưa ra sao? Mài tóc của phu-nữ Việt-Nam ngày xưa và ngày nay khác nhau như thế nào?

Hình 2: Một thiếu-nữ ở thốn quê Bác-phận.
- Thế nào là khàn mồ quạ? Mài tóc của người thiếu-nữ miền Bác ngày xưa ra sao? Thiếu-nữ miền Bác ngày nay còn nhiều rừng không?

Hình 3: Sinh viên Việt-Nam đang dự một lớp học chủ yếu.
- Hán.
- Tại sao ngày nay người ta vẫn còn học chữ Hán? Phu-nữ Việt-Nam ngày nay đi học có nhiều không? Quan-niệm «đàn bạch chỉ nên lo việc nội trợ» ngày nay có còn dùng không?

Hình 4: Một chiến binh Việt-Nam trong sắc-phục «Thầy quan Lục-chiến».
- Tại sao thành-niên Việt-Nam phải từng quan nhếp ngũ? Người chiến binh trong hình có oai dũng không? Lên lên em có thích trổ thành một quan-nhán không?
Ngày... tháng... năm 196...

Chiều nay trời nóng nực quá! Chị Ngọc dẫn hai em Công và Tấn ra bèn tàu Choi. Tấn thấy những người Trung-Hoa bán nước đã sao giống người Việt. Nam quá, suy-nghi rồi hỏi chị:

— Thưa chị, gốc-tích người Việt-Nam ở đâu?


— Như vậy, người Việt-Nam khác với người Trung-Hoa ở điểm nào, hà chị?


Công ngày thơ hối:

— Dân Việt-Nam có dông không, hà chị?

— Hiện nay chưa có bản thông-kê chính-thức về dân-số Việt-Nam, nhưng theo sự ước-lường năm 1963, dân-số Việt-Nam có dơ 30 triệu người.

Đến đây, Tấn thấy có một nhà sư mặc áo cà-sa dường quay, hỏi chị:

— Thưa chị, ở Việt-Nam có nhiều tôn-giao không?

— Nhiều lắm, như Phật-giao, Thiền-Chúa-giao, Cao-Dài-giao, Hoa-Hảo-giao và vân-vân... Mặc dù các tôn-giao có hình thức thờ phượng khác nhau, nhưng mục...
10. DÂN-CƯ (tiếp theo)
DÂN THIỂU-SÓ VÀ NGOẠI-KIỂU

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Một cảnh nhà người Trương.
- Ngoài danh-từ «đàn thiếu-số», tại sao người Trương còn gọi là «đàn san-cước»? Nhà cửa của họ thường xây cất ở miền nào? Họ có ở nhà trẻ như người Kinh không? Tại sao?

Hình 2: Một thiếu-nữ Thái.
- Người Thái có phải là đàn thiếu-số không? Đàn thiếu-số thường sống ở miền nào? Tại sao họ ít sống ở miền bình-nguyên?

Hình 3: Một đồng-bào Trương.
- Thê nào là đồng-bào Trương? Người ta còn gọi đồng-bào Trương là gì? Vì sao người ta gọi là đàn thiếu-số?

Hình 4: Trước cửa một tiệm chá-pê ở Chợ-Lớn.
- Trong hai người, ai là chú tiệm? Theo em, chú tiệm là người gì? Hằng chú nên phải là thú chú gì?
Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay, ba chi em Ngọc, Công và Tân đi chung.

Người được phỏng chốt trong thấy một người phục vụ cây trồng thương, chi Ngọc muốn thò hai em nên hỏi:

- Hai em có biết người đang đi trước mặt chúng ta là người gì không?
- Tần nhanh-nhanh trả lời:
- Đó là người Thương, dân thiểu số Việt-Nam, phải không chi?
- Chi Ngọc gật đầu. Công xen vào:
- Dân thiểu số ở Việt-Nam có nhiều không, hà chi?
- Dân thiểu số ở Việt-Nam rộng độ hai triệu người, gồm có người Thái, người Thổ, người Nùng, người Mán, người Mèo, người Mường, người Mị, người Chăm, người Miền vân-văn...

Tần thắc-mắc hỏi chi:

- Thua chi, những người này sống ở đâu?

Tần nhớ ra liên hồi:

- Còn người ngoại-kiều có bao nhiêu, hà chi?
- Người-kiều ở Việt-Nam rộng độ một triệu, gồm có người Trung-Hoa, Án-Dố, Pháp, Mỹ vân-văn...


EM NHỚ:

Dân thiểu số ở Việt-Nam còn gì là đồng-bào Thương, có đó hai triệu người, sống rải-rải ở các đôi núi hay thông-lừng.

- Ông Bắc phần có người Thái, người Thổ, người Nùng người Mán, người Mèo.
- Ông Trung-Phần có người Mường, người Thương, người Chăm.
- Ông Nam phần cũng có người Chăm, và đặc biệt là người Miền, thô dân còn sót lại của xưa Chân-Lập.

Người-kiều là người ngoại-qua từ phương xa denen, cu-ngu tại Việt-Nam. Người-kiều ở nước ta rộng độ một triệu người, gồm có người Trung-Hoa, người Án-Dố, người Pháp, người Mỹ, vân-văn...

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Dân thiểu số ở Việt-Nam còn gì là gì?
2. Họ gồm có những người nào?
3. Người Mường thương sống ở miền nào?
4. Thế nào là người ngoại-kiều?
5. Kể một số ngoại-kiều ở Việt-Nam mà em biết.
11. CHÍNH-TRỊ

EM QUAN-SÁT VÀ SUY.LUÂN :

Hình 1: Người Việt với lá quốc-ki.
- Em thấy người cầm lá quốc-ki Việt-Nam đúng ở đâu? Lá quốc-ki Việt-Nam hình gì? Có những màu gì?

Hình 2: Hà-Nội trước năm 1954.
- Tháp Rửa gốc trái trong hình nhặt em nhớ đến vị vua nào?
- Bộ già các em ra Hà-Nội được không? Tại sao?

Hình 3: Sông Bến-Hải, năm trên vi-tuyên 17, chia đôi lãnh-thờ Việt-Nam. Chiếc cầu bắc ngang sông Bến-Hải gọi là gì?
- Em thấy gì bên kia đầu cầu? Bến này đầu cầu có đơn linh của quân đội Việt-Nam Cộng-Hoa, có cảnh gì? Như vậy dân chúng còn qua lại trên cầu này được không?

Hình 4: Sài-gòn, Thủ-dô nước Việt-Nam Cộng-Hoa.
Ngày... tháng... năm 19...

Chiều nay, chị Ngọc dăn Công và Tân vào Chợ-Lớn ăn mi. Khi chị Ngọc gọi chú «phở-ky» để kèu ba mi vịt thì chú trả lời bằng tiếng Việt rắt rõ-ràng. Tân ngạc nhiên hỏi chú:

— Sao chú Hoa-Kiều nay mời giọng Bắc hay quá, chú hà?

— À, chú đỗ lực trước ở ngoại Bắc, nói tiếng Việt theo giọng Bắc quen rồi, nên mà dử chú đã đắc cử vào đây trên 10 năm mà vẫn giữ được giọng ấy.

Công xây qua hỏi chú:

— Sao chú biết chú ấy vào đây trên 10 năm?


Tân hỏi:

— Hiệp định Giô-neo là gì, hà chú?


Tới đây, chú «phở-ky» cùng vira đất ba tớ lên bàn...
12. VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Dinh Gia-Long ở Sai-gòn.

Hình 2: Tòa Thị-chính ở thành-phố Đà-Nẵng.
- Đà-Nẵng ở đâu? Ở Trung-chánh còn có Thị-xã nào nữa không?
- Huế còn gọi là gì? Đà-Lạt thuộc vùng nào của miền Trung?

Hình 3: Tòa Đô-chính ở Sai-gòn.
- Sai-gòn là gi của nước Việt-Nam Cộng-Hòa? Ở Sai-gòn có nhiều công-sóc, dính thô không? Nhà cửa, phố-xá ở Sai-gòn thế nào?

Hình 4: Một công-sóc xã trong djl ông Tỉnh-trưởng xã ông Quản-trưởng Đến viếng.
- Em thấy những gì gì khi thăm tám bàng trong hình này?
- Theo em, vì mặc ưu-phúc là ai? Vì mặc quà phuc là ai?
Ngày... tháng... năm 19...

Tân đăng đốc tin-tức trên một tờ báo, có một điều thác-mắc, đến hỏi chi Ngọc:

— Chi Ngọc nè! Quốc-trường do dân bầu lên có điều-khiền chính-phủ không?


— Thưa chi, còn Đô-phường thì sao?


Tân hỏi thêm:

— Bốn thị-xã là những nơi nào dầu chỉ?

— Bốn thị-xã là: Vũng-Tàu, Đà-Lạt, Đà-Nắng và Huế.

Đến đây thì mec Tăn di chở vẻ. Chi Ngọc bàn đi phủ nau ăn với mec...
13. HỌC ƠN
VIỆT-NAM NHÂN-VĂN

1. Dân-số nước Việt-Nam có-dô bao nhiêu?
   a. 20 triệu người   d. 25 triệu người
   b. 30 triệu người   e. 50 triệu người
   c. 40 triệu người

2. Dân thiểu-số ở Việt-Nam sống tại miền nào?
   b. Miền dồi nứi hay thung-lũng.


<table>
<thead>
<tr>
<th>Bắc-phasis</th>
<th>Trung-phasis</th>
<th>Nam-phasis</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>c. Người</td>
<td>c. Người</td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>d. Người</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>d. Người</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

   a. Người.
   b. Người.
   c. Người.
   d. Người.

5. Hiếp-dính Gio-Neo chia đời nước Việt-Nam từ năm nào?
   a. 1950
   b. 1958
   c. 1954
   d. 1960

6. Lấy vĩ-tuyên nào làm ranh-giói?
   a. vĩ-tuyên 13
   b. vĩ-tuyên 17
   c. vĩ-tuyên 15
   d. vĩ-tuyên 19

7. Nước Việt-Nam Cổng-Hòa có:
   a. ĩph bàn;
   b. ĩph tình;
   c. ĩph thi-xã;
   d. ĩph thủ-dô.

8. Em kể những chức-vụ liên-hệ ở mỗi nơi.

<table>
<thead>
<tr>
<th>Noi</th>
<th>Chức-vụ người điều-khiển</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Phân</td>
<td>Ông</td>
</tr>
<tr>
<td>Thù-dố</td>
<td>Ông</td>
</tr>
<tr>
<td>Thí-xã</td>
<td>Ông</td>
</tr>
<tr>
<td>Tính</td>
<td>Ông</td>
</tr>
<tr>
<td>Quân</td>
<td>Ông</td>
</tr>
<tr>
<td>Xã</td>
<td>Ông</td>
</tr>
<tr>
<td>Áp</td>
<td>Ông</td>
</tr>
</tbody>
</table>
CHƯƠNG III
VIỆT-NAM KINH-TẾ
14. NÔNG-Nghệp

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Quang-cánh nhà cửa một nông dân sau mùa lúa chín.
   - Em thấy gì trước sân? Tại sao nhà người nông dân thường hay có dòng rơm? Rơm dùng để làm gì?

Hình 2: Một thửa ruộng sau mùa cấy.
   - Cây lúa non giờ là gì? Tại sao những cây mạ được cấy thu ra? Sâu mùa cấy, đèn mùa gì?

Hình 3: Những bận xe quạt nước ở vùng Quảng-Ngãi.

Hình 4: Bác nông-phu đang cấy ruộng.
   - Tại sao người ta phải cấy-ruộng trước khi cây lúa? Người ta thường dùng trâu hay bò để cấy ruộng? Sau khi cấy, người nông dân phải làm gì?
Ngày... tháng... năm 19....

Hôm nay chị Ngọc, Công và Tân về quê thăm ngoái. Ngồi trên xe, nhìn ra ngoài, thấy những dãy mạ xanh-xanh, bạt-nagt dang ủn mình theo lăng gió. Tân hỏi chị:

— Tài sao nước ta có nhiều dòng ruộng mềm như như thế?

Chị Ngọc đáp:
— Chị có miền Nam là nhiều ruộng Thời.

Công xen vào:
— Tài sao hai miền Bắc và Trung lại có ít ruộng, chị thì?

— Vi hai miền ấy đất-dai hầu hết là rừng núi.

Tân hỏi tiếp:
— Như vậy người Việt chung ta sống vê nghề nông nhiều không, chị?

— Người Việt chung ta có lói 90% chuyên sống vê nghề nông, làm ruộng theo phương pháp cơ-truyền. Hiện nay, nhằm mục đích kỹ-nghề-hóa nông-nghiệp, chính-phủ đang xúc-tiên một chương-trình đại canh-tác...
15. NÔNG-SÂN

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Những hàng dừa xanh và những dâm mia vàng
  • Dừa và mia có phải là nông-sản quan-trọng của nước ta không? Lợi ích của cây dừa như thế nào? Mia dùng để làm gì?

Hình 2: Vườn trà ở Bắc-phasis.
  • Trà có phải là loại cây dễ uống hay không? Trà còn gọi là gì? Ở Namphasis có trồng trà hay không? Người ta trồng trà nhiều như thế nào?

Hình 3: Vườn rau ở cao-nguyên Trung-phasis.
  • Em thấy trong hình có loại rau gì? Em đã trồng thấy vườn rau ở Đà-Lạt chưa? Rau cải có phải là nguồn lợi ở nước ta không?

Hình 4: Đồn-diên cao-su ở Nam-phasis.
  • Em có thấy cây cao-su lân nào chưa? Người ta lấy vụ cao-su bằng cách nào? Cao-su dùng để làm gì?
EM ĐỌC:

Ngày... tháng... năm 19...

Sau khi xuống xe, bảo chi em thuê thuyên về nhà ngoại.

Con thuyên chỗ chị Ngọc, Công và Tấn luôn nhẹ trên dòng sông, hai bên có những hàng dừa xanh mướt nhìn trên mặt nước.

Tấn hỏi chị:
— Dùa này do người trồng lên hay mở tự nhiên, chị nhớ?
— Dùa này do người trồng và là một nông-sân quan trọng của nước ta.

Công tiếp lời Tấn:
— Ngoài dùa ra, nông-sân nước ta còn có những cây gì nữa, chị nhớ?
— Nông-sản nước ta có các cây dùng để ăn và uống như lúa, bắp, khoai, đậu, mía, hoa-quả, rau-cải, trà, cà phê và các cây dùng trong kỹ-nghệ như cao-su, bông vải, bò, gai, thâu-dâu và đứa...

EM NHỚ:

Nông-sản ở Việt Nam gồm có các cây dùng để ăn và uống và các cây dùng trong kỹ-nghệ.

Các cây dùng để ăn và uống như lúa, bắp, khoai, đậu, mía, hoa-quả, rau-cải, trà, cà phê...

Các cây dùng trong kỹ-nghệ như bóng vải, bò, gai, cao-su, thùng, thâu-dâu, đứa...

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Nông sản của ta gồm hai loại cây gì?
2. Cây Mia thuộc loại cây nào?
3. Em có biết cách lấy Mia làm đường không?
4. Kể các loại cây dùng trong kỹ-nghệ?
5. Miền nào có rau-cải và hoa-quả nhiều nhất?
16. CHÂN NƯỚI

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Đàn vịt đang lội dưới ao.
- Đàn vịt đang làm gì dưới ao? Người ta thường nuôi vịt ở đâu? Ngoài vịt ra, có nhà que người ta còn nuôi gì nữa?

Hình 2: Một đàn bò.
- Người ta nuôi bò để làm gì? Tối sao người ta ít dùng bò để kéo cày? Hiện nay trâu bò đã nuóc ta có nhiều không?

Hình 3: Một chuồng heo.
- Người ta nuôi heo để làm gì? Heo ăn gì? Cây chuồng có thể dùng làm dơ ăn cho heo được không?

Hình 4: Một đàn gà.
- Gà trong khác gà mái như thế nào? Nhà em có nuôi gà không? Nguoi gà để làm gì?
Ngày... tháng... năm 19...  

Sáng nay, chị Ngọc dẫn Công và Tấn đến viếng trại chăn nuôi ở Tấn-sơn-nhurst. Trại chia làm nhiều khu. Tấn chỉ khu nuôi gà nổi với chị:
— Chá! Gà ở đây map và lón con quá, chị há?
— Phải, vì gà ở đây thuộc giống gà tốt để cắp phát cho các nhà chăn-nuôi và nông-dân địa-phương.
— Nước mính có nhiều trại chăn nuôi như vậy không, chị?

Tấn suy nghĩ:
— Chắc nước ta hãy giờ không lo thiếu sức-vật như trước nữa, chị nhỉ?
— Phải! Lực này nước ta đang canh-tân kỹ-thuất chăn nuôi để tăng-gia sản-xuất gia-súc đủ các loại.
— Thưa chị, ngoài trâu, bò, heo, gà, vlt, trong nước mình có còn ngành chăn nuôi nào khác nữa không, chị?

Tấn nhìn sang Công, hốt-hoảng la lên:

— Chị Ngọc xem kia! Sao Công ôm bàn tay khôc đó?

Chị Ngọc chỉ điện bên Công:
— Cái gì vậy? Ai làm gì tay em dò?
Công mêo-mào nói:
— Em rô vào mảng đồ ăn, bị gà trông mờ, chị à.
Chị Ngọc và Tấn cười xoa...

EM NHÓ:

Hiện nay nghề chăn nuôi ở nước ta đang được phát-triên.
Trâu bò, ngoài việc dùng cho nhà nông, còn để lấy sữa và thịt nữa.
Nhiều trại chăn nuôi heo, gà, vlt được thịết-lap ở các nơi trong nước.
Ngoài ra còn có nghề nuôi cá, nuôi ong, nuôi tôm.

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Hiện nay nghề chăn nuôi ở nước ta như thế nào?
2. Người ta thường nuôi gà, vlt ở đâu? Người gà vlt để làm gì?
3. Ngoài gà, vlt ra, người ta còn nuôi gì nữa?
4. Người ta nuôi ong để làm gì?
5. Người ta nuôi tôm để làm gì?
EM QUAN-SAT VA SUY-LUAN:

Hinh 1: Kéo vō (cát rọ) trên sông.
- Cóc em có xem ai kéo vō bao giờ chưa? Em ở hay đi câu cá không? Câu cá khác với dánh cá thế nào? Người ta thường đánh cá ở đâu?

Hinh 2: Dánh cá ở vịnh.
- Cá ở vịnh là cá nước mặn hay nước ngọt? Kể một số cá nước mặn. Em có đời ra khỏi lẫn nào chưa?

Hinh 3: Quang cảnh bên cá.
- Sau khi đánh cá xong, thuyền cấp bên để lặn gì? Em thấy gì trên bên? Em thấy thuyền đánh cá ở biển khác với thuyền đánh cá ở sông vịnh như thế nào?

Hinh 4: Bồn ghe đánh cá.
- Những cất gi dũng đúng trên ghe? Những chiếc ghe này dũng để làm gì? Ngoài nghề chài lụa đánh cá, dân cư ở miền duyên hải còn làm nghề gì khác nữa?
Ngày... tháng... năm 19

Ngày mai có giờ Địa-lý, đến phiên toàn của Tà, trình-hày về hải-sân ở Việt-Nam, nên Tán lo-nghì, đến nhỏ khi Ngọc giúp-dân. Chí Ngọc vui-vẻ giải-thích:


Song song với nghề chài lưới là nghề làm muối và nước mắm. Ở các tỉnh miền duyên-hải có nhiều ruộng muối rất tráng và tót. Ở những nơi biên biển có nhiều muối để có các sông làm nước nấm. Nước mắm cả mi ở Phú-Thiệt; nước mắm cả com ở Phú-Quốc; nước mắm cả trích ở Bình-Đinh.

Ngoài cá, muối, mắm và nước mắm, ta còn có những hải-sân khác nữa. Ở Hà-Tiền, Rach-Gia, Phú-Quốc có mắm dồi-mỗi (ba-ba biển) rất đẹp dùng làm đồ tráng-tri. Ở Trung-phần có nhiều tổ yến trên các đảo, dùng làm món ăn. Ở Nam-phận và Trung-phận còn có nhiều con trai lớn, lấy vỏ làm xà-cù, dùng để khâm vao đồ-gó và làm khuy áo.

Tản ghi chép tất cả những lời giải-thích của chí và sung-suông nói:
— Em cảm ơn chí làm!

EM NHÔ:

Nước Việt-Nam có nhiều sông-ngoài và năm dọc theo biển nên nghề chài-lưới rất phát-dạt. Nghề này nuôi hàng triệu dân ta và ngãy ngày đã được cải-tién.

Ngoài nghề chài lưới, nước ta còn có nghề làm muối, làm mắm, làm nước mắm, cả khô và sán-xuất các hải-sân quý khác như dồi-mỗi, tổ-yến, xà-cù...

EM CÔ BIẾT KHÔNG?

1. Tới sao nghề chài-lưới ở nước ta phát-dạt?
2. Nghề chài-lưới ở nước ta ngày nay được cải-tién như thế nào?
3. Ở đâu có sông muối?
4. Ở đâu làm nước mắm cả món? Nước mắm cả com? Nước mắm cả trích?
5. Kể những hải-sân khác ở Việt-Nam.
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Một con voi đang kéo gỗ.
- Hình này chup ở đâu? Tại sao có sối dạy con hùi con voi? Họ cao-kiên, người ta thường dùng voi để làm những việc gì?

Hình 2: Rừng Thông.
- Những cây trong hình này cao hay thấp? Nó mọc như thế nào? Trong rừng này có nhiều loài cây khác nhau không? Thế nào gọi là rừng thuận nhất?

Hình 3: Voi trong rừng.

Hình 4: Rừng Sắt
- Rừng này mọc ở đâu? Cây có mọc thế nào? Bi bò trong rừng này được không? Tại sao?

Như vậy phải đi bằng gì mới vào được?
Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay, chị Ngọc vừa rửa xong máy buffs anh chụp lúc đi chơi ở Đà-Lạt. Tán xem ấm ha chị em đang đi qua rừng thông, thich-thù cười hỏi chị:
— Phải rừng thông này gọi là rừng thưa không, chị?
— Không phải! Nó là rừng thuận-nhứt, vì chị có một loại cây móc mà thôi.
— Thưa chị, ở nước ta có mấy loại rừng thuận-nhứt?
— Có nhiều thứ. Rừng thông móc trên cao-nguyễn Lâm-Viên; rừng phi lao móc ven bờ biển miền Trung; rừng tre, rừng nhựa ở Thảo-Nguyễn, Bắc-Căn (Bắc-phần) và Bình-Dương (Nam-phần); rừng có tranh ở các đồi miền Bắc.

Công cảm búc ấm chup ở khu rừng rậm-rapat ngang đeo Ngọc-múc đến hỏi chị:
— Vây rừng này là rừng gì, nhà chị?
— Rừng này là rừng rậm, người ta còn gọi là rừng giá nứa.

Công le lưỡi tôi vè sở-sét:
— Em nghĩ nơi trong rừng giá có nhiều thứ dử như cop, béo, vôi, gấu lâm.

Chị Ngọc cười:
— Dừng đấy! Vì rừng rậm có nhiều cây cao lớn rẫm-rapat móc chi-chít, và dưới những vöm cây đó có các loại cây nhỏ hơn với những dây bó chẳng-chít, còn mất đất thì thường bị tôi-tám, âm-tháp, rắt tiến cho các thụ dử

Tân muốn tìm hiểu thêm, hỏi chị:
— Thưa chị, nước ta có mấy loại rừng?

— Nước ta có năm loại rừng: rừng thuận-nhứt, rừng sát, rừng tràm, rừng thưa và rừng rậm. Nước ta có nhiều rừng như vậy là nhờ khí hậu rộng và ấm.

Tân hỏi tiếp:
— Những rừng đó cho ta những làm-săn nào, chị?

Ngoài gò ra, còn nhiều làm-săn phụ khác như vô cây dược dể thục da và nuốm lười; là dứa dể lớp nhúa, cây bán, rể mòp làm phao, non, nút chai; tre, nứa, may dũng dể đan rò, rá, làm bàn ghe; cụ nuevas và vô chăm dể nhuơn quấn áo; nhuơn thông, canh kiến dưng dể chế son; quế, sa-nhơn dưng làm thuốc; nằm hương, móc nhỉ, mạt ong rát bò. Ngoài ra, các dã-thú sông trong rừng còn cho ta sừng (sừng nai), ngà (ngà voi), da và thit nứa.

Rừng chăng những cung-cấp làm-săn mà còn giúp được nước mưa khỏi tràn xuống bình-nguyễn.
EM NHỎ:

Khí hậu nước ta nóng và ẩm nên có rất nhiều rừng.
Rừng có năm loại: rừng rậm hay rừng già, rừng thưa,
rừng thuận-nhứt, rừng sát và rừng trầm.

Rừng cho ta các loại gỗ quý, nầm hương, móc-nhei,
ớt ong, cù-nâu, cánh-kiên, nhìa cây, quế, sa-nhon và
dâ-thú.

Rừng còn giữ nước mưa khỏi tan xuống bình-nguyễn.

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Tại sao ở nước ta có nhiều rừng?
2. Ở nước ta có mấy loại rừng?
3. Rừng cung-cấp cho ta những loại gỗ quý nào?
5. Rừng còn có ích lợi gì nữa?
EM QUAN-SÂT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Mỏ than ở Nông-Sơn (Trùng-phận).
- Động gì cao ngất trong hình? Những vị sắt dụng làm gì vậy? Thah đã dùng để làm gì?

Hình 2: Mỏ than ở Hòn-Gai.

Hình 3: Mỏ kẽm ở chợ Điền.
- Dương xe lửa trong hình đúng để làm gì? Khơi chử nhuyệt ở góc trái là khói gì? Khơi kẽm này lấy ở đâu?

Hình 4: Dưới hầm mỏ than.
- Hai người thô dạng làm gì? Tại sao dưới hầm mỏ này, người ta dùng cây ở hai bên và trên nóc? Công việc lấy than đã có gì nguy-hiểm không?
Ngày... tháng... năm 19...

Tấn đang học bài thi Công hốt-hải查验 vào rồi,
— Anh Tấn ơi ! Anh có hay tính gì không ? Bác Hải
vừa cho em biết anh Tầm đã tính-nguyện đi làm việc ở Nông-son (Trung-phant) rồi.

Tấn không biết anh Tầm làm việc gì ở Nông-Sơn và không biết ở chỗ ấy như thế nào, nên đến hỏi chị Ngọc. Chị Ngọc vui-ve giải-thích:
— Nông-Sơn thuộc tỉnh Quang-Nam (Trung-phant) là nơi mà chính-phủ đang khai-thác mỏ than.

Công hội chị:
— Nước ta có nhiều mỏ than không, chưa chị ?

Đức-biết là các mỏ than ở nước ta rất đề khai-thác vì phần lớn lở-thiên.

Tấn hỏi thêm:
— Ngoài mỏ than ra, nước ta còn có mỏ gì khác nữa không, chị?

Công vọng tay reo:
— Như vậy nước ta giàu quá, chị hà ?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Xưởng làm đồ gốm.
- Thế nào là đồ gốm? Em thấy trong hình có những gì? Tại sao đồ gốm cần phải được trang men?

Hình 2: Thùng rơ được bày bán trong chợ.
- Người ta dùng gì để đan thùng rơ? Nghề đan thùng rơ ở nước ta có được thịnh hành không? Ở Nam-phan, nơi nào đan thùng rơ nhiều nhất?

Hình 3: Nghề thêu tay.
- Thêu thêu thường là đan ông hay đan bà? Nghề thêu ở nước ta ra sao? Thêu thêu cần dùng những dụng cụ nào?

Hình 4: Nghề sửa động-hồ.
- Thợ sửa động-hồ có cần khéo tay không? Nghề sửa động-hồ có phải là một tiêu-công-nghệ không?
Ngày... tháng... năm 19...

Gió này ngồi viết lại trang như thế, Tấn thấy lòng hơi hận quá, vi hỡi sáng Tấn đã làm cho chị Ngọc buồn. Tấn không ngờ mình vô lý đến thế.


— Nên tiêu-công-nghệ nước mình nghĩa nên tiến-bổ quá.

Còn Công hết nhìn mòn này, lại rờ-rắm mòn khác trong thích-thù lầm. Chị Ngọc vui vẻ giải thích từng mơn hàng cho Công và Tấn nghe rồi kể-luur:

— Nên tiêu-công-nghệ nước này ngày nào có hai loại: tiêu-công-nghệ cụ và tiêu-công-nghệ mới. Tiêu-công-nghệ cụ gồm các nghề có tính-cách giao-truyền, tiêu-mây-mộc, nằng-xuất ít và sản-phẩm không dòng nhứt. Trong các tiêu-công-nghệ này, ta có nghề đê to lừa ở Hà-Dông, Thái-Bình, Nam-Đinh, Quảng-Nam, Sáu Gón, Long-An, Long-Xuyên; nghề đan chỉ ở Phát-Diệm, Định-Tường, Kiến-Tường, Kiến-Giang; nghề làm dỏ khâm, dỗ thêu, dỗ hàng ngà ở Nam-Đình, Bắc Ninh; nghề làm dồi-mồi ở Kiến-Giang (Hà-Tiền); nghề làm son-mài, dỗ gom ở Bình-Dương, Biên-Hoa... Còn tiêu-công-nghệ mới được thập-trùng ở các tỉnh-thành và được thiện hành từ khi người mình biết dùng các sản-phẩm Tây-phương như các nghề dòng giấy, nghề làm non, thuốc da, sữa đông-hô, mây thâu-thành, xé gấm...mây...


— Tôi muốn mua chiếc hộp này, giá bao nhiêu?

— Thưa 420s.


EM NHỚ:

Nên tiêu-công-nghệ nước ta được chia làm hai loại là tiêu-công-nghệ cụ và tiêu-công-nghệ mới.

Tiêu-công-nghệ cụ thủ-hợp trong phầm-vi gia-dình, gồm có các nghề làm chiều, dỗ ngà, dỗ sưng, dỗ thêu, dỗ gom, v...v...

Tiêu-công-nghệ mới được thập-trùng ở các tỉnh-thành và thuận hành từ khi người mình biết dùng các sản-phẩm Tây-phương như các nghề dòng giấy, nghề làm non, thuốc da, sữa đông-hô, v...v...

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Nghề đê to không dùng máy-mộc là tiêu-công-nghệ có hay mới?

2. Đa sên và dỗ gom khác nhau thế nào?

3. Nghề son mài có phải là tiêu-công-nghệ không?

4. Nghề ráp may thâu-thành có chỉ như là tiêu-công-nghệ không?

5. Kể các tiêu-công-nghệ mới.
21. ĐẠI-KÝ-NGHỆ

EM QUAN-SÁT VA SUY-LUÂN:

Hình 1: Nhà máy dệt.
- Em thấy trong hình có những gì? Có nhiều hay ít người? Tồi sao? Nghề dệt ở nước ta ngày nay nhu thế nào?

Hình 2: Hằng rượu bia.
- Những chai trong hình đựng gì? Người ta đang chăm chú làm việc gì? Em thấy những máy móc này thế nào?

Hình 3: Nhà máy biên-diên.
- Thế nào là nhà máy biên dien? Em có nghĩ nó hay nhà máy thủy điện ở Đại-Nhim không? Lẽ nào ấm cua đập Đại-Nhim ra sao?

Hình 4: Nhà máy xay lúa.
- Công-nhân nhà máy mua bao hùng gi? Người làm phu-núp đang làm việc gì? Những bao gạo mà miếng xong năng bao nhiêu?
Ngày... tháng... năm 19...

Mặc dù hôm trước, trong chuyến đi viếng xưởng sọt mai ở Bình-Dương, Tấn đã làm cho chị Ngọc buồn, nhưng hôm, nay, em Công muốn đi xem nhà máy đètre Vinatexo, chị Ngọc cùng bẵng lồng.

Nhà máy này do so làm. Nơi chiều một khoảng đất rộng lớn nấm trên Quốc lộ số 1. Vào bên trong, máy móc khổng lớn cho nên nhà lớn, nhân công làm việc rất đồng. Tiếng máy chạy âm âm, không quen nghe cảm thấy khác tài. Tần hỏi chị:

— Nước ta còn nhiều kỳ-nghé lớn như vậy không, chị?

— Nhiều lắm! Ta có nào kỳ-nghé khai mở mà các em đã học, nào kỳ-nghé nẳng như xưởng sữa xè lừa, xưởng đồng tầu, nhà may xi măng, nhà may biên dien... nào kỳ-nghé nhẹ như nhà máy đètre, nhà may ràng bia và nước đá, xưởng chế tạo son, nhà máy diem, nhà may làm thuốc lá, làm giấy, các xưởng chế tạo đồ cạo su, nhà may xay lúa... Thượng thượng, các đại-kỳ-nghé nói trên tập trung ở những thành phố lớn.

EM NHỎ:

Nên đại-kỳ-nghé ở nước ta dang được phát triển và chia làm hai loại: kỳ-nghé nằng và kỳ-nghé nhẹ.

Kỳ-nghé nằng gồm có các xưởng sữa xè lừa, xưởng đồng tầu, nhà may xi măng, nhà may biên dien.

Kỳ-nghé nhẹ gồm có các nhà máy đètre, nhà may làm ruou bia, xưởng chế tạo son, nhà may diem, làm giấy, làm thuốc lá, nhà may xay lúa.

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Đại-kỳ-nghé và tiêu-công-nghé khác nhau thế nào?
2. Đại-kỳ-nghé chia làm mấy loại?
3. Kè các kỳ-nghé nằng?
4. Kè các kỳ-nghé nhẹ?
5. Nên đại-kỳ-nghé ở nước ta có được phát triển không?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Quang-cảnh buổi chiều đông.
- Trong hình, em thấy người ta bán gì? Thường thường đi chợ em mua gì? Rau cải, hoa quả ở miền nào có nhiều nhất?

Hình 2: Thương-cảng Hải-Phòng.

Hình 3: Chợ Qui-Nhon được kiến-trúc theo lối mới.
- Trong chợ, người ta thương buôn bán thịnh gì? Thịt cá có bán ở trong chợ không? Ở thôn quê, người ta có đi chợ hàng ngày không? Tại sao?

Hình 4: Gạo được chuyển-vận lận tàu.
- Gạo được chuyển-vận lận tàu để làm gì? Ngoài gạo ra, ta còn xuất-cảng gì nữa? Tại sao ở Nam-phận có nhiều lúa gạo hơn ở Trung và Bắc-phận?
Ngày... tháng... năm 19...

Sáng nay, chị Ngọc dưa Công và Tần ra chợ Sài-Gòn mua sắm vài món đồ dùng cần-thiết. Đến chợ, di ngang những gian hàng trái cây, Tần thấy có nhiều trái lê quả, hỏi chị:

— Trái này có trồng ở xữ mình không, chị?
— Thù trái cây này không có trồng ở xữ mình mà phải nhập-cảng của ngoại-quốc đấy...

Công chỉ gánh hàng rau cải hỏi chị:
— Ở Sài-Gòn, em không thấy trồng rau cải mà sao có bán, hà chị?

— Rau cải thường trồng ở thơn-quê, ở người ta mua hàng ra thành-thị bán và càng chình như vậy mà nên nội-thương mới thịnh-vượng.

Tần muốn tim hiểu thêm:
— Còn nẻo ngoại-thương nước ta như thế nào, hà chị?
— Tự lực nước nhà được độc-lập, nẻo ngoại-thương bất đâu phát-dất. Ta xuất-cảng nhiều nhất là gao, cao-su, trà, lông všt, cá-phế, cá-trang, tôm, cá kho, quế, chuối... và nhập-cảng máy-móc, xe-cợ, to-soi, dâu hòa, phân-bón, các nguyên-liệu và chế-phẩm.

Công xen vào:
— Thưa chị, nước nào buôn-bán với ta?
— Những nước bán hàng cho ta là Hoa-Kỳ, Trung-Hoa Quốc-Gia, Pháp, Nhật, In-Dô-Né-Xi-a... và những nước mua hàng của ta là Pháp, Mâ-Lai, Phi-Luật-Tân, Tây-Đức, Anh...
23. HỌC - ÔN
SINH-HOẠT KINH-TÉ

1. Người Việt-Nam chuyển sòng về nghề nào nhiều nhất?
   a. Thương-mại
   b. Công-nghề
   c. Nghề nông
   d. Chái-lưới

2. Nước ta có những hải-sấn gì?


4. Lâm-sàn có những thứ gì?
   a. Chí, bắc
   b. Sắt
   c. Than đá
   d. Thiếc, kẽm
   e. Phốt-phắt


7. Những kỹ-nghề sau đây thuộc loại kỹ-nghề nào?

<table>
<thead>
<tr>
<th>Tên các dồi-ki̝-nghề</th>
<th>Kỹ-nghề nâng</th>
<th>Kỹ-nghề nhẹ</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td>Nhà máy xỉ-mảng</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Nhà máy dệt</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Nhà máy diêm</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Nhà máy gạo</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td>Xông đồng tàu</td>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>

8. Kể những hàng xuất và nhập-cảng ở Việt-Nam.

<table>
<thead>
<tr>
<th>Hàng xuất-cảng:</th>
<th>Hàng nhập-cảng:</th>
</tr>
</thead>
<tbody>
<tr>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
</tr>
<tr>
<td></td>
<td></td>
</tr>
</tbody>
</table>
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Con đường bên hông chợ Bến-thènh (Sài-Gòn).
- Em đã thấy quang-cảnh trong hình này lần nào chưa? Em thấy trên đường phố có những gì? Những lần gạch tráng ngang đường đã làm gì vậy?

Hình 2: Đường mòn và đường trải đỏ ở Bắc-phen.
- Thế nào là đường mòn? Độc theo đường trải đã, em thấy những gì? Em hãy cho biết công-dụng của các cây trống theo vẻ đường?

Hình 3: Đường dốc ở Trung-phen.
- Đường dốc có hiểm-trở không? Tại sao? Ô khác quanh, em thấy những gì? Đề làm gì?

Hình 4: Xa-lô Biên-Hóa ở Nam-phen.
- Xa-lô có rộng không? Tại sao trên xa-lô có kẻ những lần trăng? Em có dip đi trên xa-lô Biên-Hóa lần nào chưa?
Ngày... tháng... năm... 19...

Sáng nay, chưa nhứt, gia đình Tần chuẩn bị đi thăm người chú ở Biên Hòa, chính Ngọc Để nghi:

— Bạn đi, ta đi ngã xa lỏ Sài Gòn — Biên Hòa, còn bạn về, ta về ngã Thủ Đức — Cầu Bình Lợi (Gia Định).

Ba mà Tần chấp thuận. Xa lỏ rộng thành thang. Xe chay em quanh, không bị gian như chay trên những đường đã gò ghề ở thành quê. Tần thích thú, hỏi chính:

— Nước ta có nhiều xa lỏ như vậy không, chỉ?


Công xanh vào:

— Nước ta có nhiều đường xe chay không, hả chỉ?

— Nhiều lắm! Gần 40.000 km. Ở Bạc Phận, các đường từ ra xung quanh Hà Nội như mạng nhện. Ở Trung Phận, ngoài quốc lỏ só 1 chay doc theo bố biên từ Bắc vào Nam dài 1.700 km, còn có những đường đâm ngang từ biên sang Ai-Lao hay lên cao nguyên như những đường từ: Vinh đi Tha Khet; Vinh đi Luang Prabang và Vạn Trương; Quang Trị đi Sa Van Na Khet; Hồi An đi Kom Tum; Phan Thiết đi Di Linh; Phan Rang đi Đà Lạt; Nha Trang đi Đà Lạt; Xuân Lộc đi Đà Lạt; Kom Tum đi Ban-Mê Thuột và Plei Ku. Ở Nam Phận, ngoài những con đường chính như: Sài Gòn Kra Tiêu rồi sang Ai Lao; Sài Gòn đi Vũng Tàu qua Biên Hòa, Bà Rịa; Sài Gòn đi Đà Lạt qua Biên Hòa, Di Linh; Sài Gòn đi Tây Ninh rồi sang Cam Bôt; Sài Gòn đi Ban-Mê Thuột qua Bình Dương; Sài Gòn đi Đà Nẵng; Sài Gòn đi An Xuyên qua Long An, Bình Thuồng, An Giang, Phông Dinh, Ba Xuyên; còn có nhiều đường liên tỉnh khác ở khắp nơi.

Tân thác-mắc:

— Nước ta nhỏ mà có nhiều đường bộ như vậy, chắc là xe có nhiều lấm, hả chỉ?

— Phải! Nước ta có đủ các loại xe. Xe du lịch có nước-dỡ 15 ngàn chiếc; xe chuyên-chở hàng nặng 15 ngàn chiếc, xe xe-ti-cọt 30 ngàn chiếc. Đò là chưa kể những loại xe gần máy và xe dập.

EM NHỎ:

Duong bộ Việt Nam có lồi 40 ngàn km, gồm những đường trái đa hoắc trái nhưa, quan trọng nhất là quốc lỏ só 1 chay từ Bắc vào Nam dài 1.700 km.

Ở Nam phận có xa lỏ Biên Hòa, đường Sài Gòn di Tây Ninh, Ban-Mê-Thuột, Bình Thuơng, An Xuyên...

Ở Trung phận, ngoài quốc lỏ só 1, còn có đường Vinh đi Luang Prabang; Vinh đi Tha Khet; Quang Trị di Sa Van Na Khet...

Ở Bạc Phận, các đường từ ra xung quanh Hà Nội như mạng nhện.

EM Có BIỆT KHÔNG?

1. Quốc lỏ só 1 chay từ đâu đến đâu?

2. Đường bộ ở Bạc Phận thế nào?

3. Ngoại quốc lỏ só 1, ở Trung Phận còn có những con đường nào quan trọng?

4. Kể những con đường quan trọng từ Sài Gòn đến các tỉnh?

5. Tại sao ở các thì-trần, đường bộ thường được trang nhưa?
25. ĐƯỜNG GIAO-THÔNG:
ĐƯỜNG XE LƯA VÀ ĐƯỜNG HÀNG-KHÔNG

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:
Hình 1: Nhà ga xe lửa Sài Gòn.
- Em có đi đến nhà ga xe lửa Sài Gòn lần nào chưa? Em thấy những gì trong sân ga? Thế nào là thiết-lộ?

Hình 2: Một xe lửa vừa qua khỏi đường hầm.
- Tại sao phải có đường hầm xe lửa? Em có thấy đường hầm xe lửa bao giờ chưa? Xe lửa này đang lên hay xuống đèo? Tại sao thiết-lộ ở đèo lại có đường móc ở giữa?

Hình 3: Một chiếc phi-cao của hãng Hàng-Không Việt-Nam.
- Phi-cao dùng để chở gì? Phi-cao của hãng Hàng-Không Việt-Nam thường đi đâu? Người lái phi-cao gọi là gì?

Hình 4: Phi-trưởng Tân-sơn-nhút.
- Phi-trưởng Tân-sơn-nhút ở đâu? Tại sao nơi đây có treo cờ các nước? Thế nào là phi-trưởng? Phi-trưởng dùng để làm gì?
Ngày... tháng... năm 10...


Tân đang nhớ lại dĩ-vãng thì chị Ngọc bước vào bảo:
— Hôm nay chú Hai đi Huế đây nhé. Em lo sửa-soạn, chị ơi chị đau ơi phi-trường tiền chán chú.

Công & trong nhà nghe tiếng chị Ngọc, chạy ra xem vào:
— Chị ơi cho em đi với chị ơi?
— Đĩ-nhiên, chị đâu có quen được em cùng của chị.

Công ngay-thở hỏi:
— Có mấy bay đi đến các tỉnh kinh, chị ơi?
— Có chú! Các đường hàng-không nơi liên những thành-phố lớn trong nước như Sài-Gòn, Đà-Lạt, Huế, Đà-Nẵng, Qui-Nhon, Nha-Trang, Ban-Mê-Thuột, Vũng-Tàu, Cân-Thor, Phú-Quốc vẫn vẫn...

Tân hỏi thêm:
— Nước mình có đường hàng-không ra nước ngoài kinh, ạ chị ơi?

— Thưa chị, nước mình có những phi-càng nào lớn?

Đến đây, ba Tân cũng vừa đi làm về. Ba chị em lo chuẩn bị bữa cơm trưa...

EM NHỚ:

Đường xe lũa ở Việt-Nam có độ 3.200 km vào thời tiên-chiến, nhưng từ ngày có chiến-tranh, nhiều khoáng đường bị phá hủy.

Hiện nay ở miền Nam có các đường xe lũa quan-trọng như đường xe lũa Sài-Gòn — Đồng-Hà qua Nha-Trang, Huế; Sài-Gòn — Đà-Lạt qua Tháp-Châm.

Đường hàng-không chiếm một via-vi rất quan-trọng, nơi liên Sài-Gòn với các thị-trấn lớn trong nước và thủ-dô của các nước bạn. Phi-trường Tân-Sơn-Nhút ở Việt-Nam là một trong những phi-trường quốc-tế.

EM Có BIẾT KHÔNG?

1. Tại sao ta gọi đường xe lũa chính của nước ta là đường Xuyên-Việt?
2. Hiện nay ở miền Nam có những đường xe lũa nào quan-trọng?
4. Tại sao phi-trường Tân-Sơn-Nhút được liệt vào hàng phi-trường quốc-tế?
5. Em hãy kể một vài nước nói liên với nước ta bằng đường hàng-không.
26. ĐƯỜNG THỦY

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Bến tàu Sài Gòn.
  - Em thấy trong hình có những gì? Thế nào ở bến tàu? Tại sao tàu bè ở đây nhiều như vậy?

Hình 2: Một kiểu thuyền ở Bắc-phas.
  - Em thấy cảnh buồm hình gì? Tại sao phải dùng buồm? Loji thuyền này vụt bèn có được không?

Hình 3: Một kiểu thuyền ở Trung-phas.
  - Kiểu thuyền này có máy cânh buồm? Thuyền này có thể đi lại trên kinh, rạch được không?

Hình 4: Một kiểu thuyền ở Nam-phas.
  - Những cảnh buồm của thuyền ở Nam-phasis hình gì? Chiếc xưởng đang chở khách qua sông gặp lắc gì? Thuyền thế nào giống lá tam-bàn?
Ngày... tháng... năm 19...

Chiều nay, ba chị em Tấn ra bên Bạch-Đằng (Sài-Gòn) hóng gió.

Chà! Ở đây có nhiều tàu to quá! Tấn quan-sát từ chiếc tàu này sang chiếc tàu khác, từ người phụ khuân-vác hàng-hoa đến các cán-trúc đang nằng-nề cấu hàng lên bờ. Tấn thác-mắc hỏi chị:

— Tài sao người ta không cho những hàng-hoa này bằng xe hơi mà lại cho bằng tàu, nhà chi?

— Vi những hàng-hoa này ở các nước ngoài nhất-căng, nhạc cho hàng xe hơi thi phải đi qua nhiều quốc-gia nên khó-khăn lắm, không như đi bằng đường thủy, tiện lợi hơn và ít tốn kém hơn.

— Còn ở trong nước, dân-chưng có thường chuyền-chở hàng-hoa bằng đường thủy không, nhà chi?


Chị Ngọc vưa nói nên đây thì Công kéo tay chị và Tấn đến xem một chiếc hàng-khoảng màu-hâm có chữ phi-co nưa.

**EM NHỚ:**

Sự giao-thông bằng đường thủy ở nước ta rất quan-trọng. Về đường sông:

- Ở Bắc-phận, sông Hồng-Hà và sông Thái-Bình nối liên các tỉnh miền Chấu-thở và Trung-du.
- Ở Trung-phận, vì dòng sông ngắn, nước chảy xiết, nên sự giao-thông rất khó-khăn.
- Ở Nam-phận, sự giao-thông được dễ-dàng trên những sông Cửu-Long, sông Đong-Nai và một số kinh đào.

Về đường biển, sự giao-thông ở trong nước và với nước ngoài rất tiện-lợi.

**EM CÓ BIẾT KHÔNG?**

1. Ở Bắc-phận có những con sông nào tàu bè có thể qua lại được?
2. Việc giao-thông trên những con sông & Trung-phận như thế nào?
3. Ở Nam-phận, sự giao-thông bằng sông-ngồi như thế nào?
4. Vì sao sự giao-thông bằng đường thủy ở Nam-phận được dễ-dàng?
5. Tài sao đường biển ở nước ta quan-trọng?
27. HỌC-ÔN

DƯỠNG GIAO-THÔNG Ở VIỆT-NAM

1. Đường bồ ở Việt-Nam dài bao nhiêu km?
   a. 15.000 km   c. 20.000 km
   b. 40.000 km   d. 52.000 km

2. Ở Việt-Nam có con đường nhűa nào dài nhất? Dài bao nhiêu?

3. Tập về vào giấy trắng bán đồ Việt-Nam với những đường bồ quan-trọng.

4. Vào thời chiến, đường xe lửa ở Việt-Nam như thế nào?

5. Ở nội nào có phi-cảng?

6. Sự giao-thông bằng đường thủy ở nước ta như thế nào?

7. Sự giao-thông bằng sông ngòi quan-trọng như ở miền nào?
   a. Miền Nam
   b. Miền Trung
   c. Miền Bắc

PHẦN II

CÁC NUỘC LÂN-CÂN
CHƯƠNG I

CAM – BỚT
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Một dòng sông ở Cam-Bốt.
- Em thấy con sông trên có máy ngã rẽ? Đọc theo bờ sông có những gì? Nhà cửa ở đây có nhiều không?

Hình 2: Một cảnh đồng-que ở Cam-Bốt.
- Em thấy trong hình có xe gi? Xe này dùng để làm gì? Em có thấy cây thớt-nốt trong hình không?

Hình 3: Một trong những phương-tiền dân thủy hợp đien ở Cam-Bốt.
- Trong hình em thấy gì? Nhà cửa ở đây xây cất ra sao? Tại sao phải cất nhà sân?

- Em thấy trên dòng sông có những gì? Em thấy gì đọc theo bờ sông? Em có thấy gô tech không?
Ngày... tháng... năm 19...

Ngày mai chú Hai đi Cam-Bốt. Tăn thương chú Hai lầm, đến quân-quyt bền chú hỏi-han:
— Nước Cam-Bốt ở đâu, chú hä?
— Nước Cam-Bốt ở phía Tây miền Nam Việt-Nam, giáp ranh với Nam, Thái-Lan và Ai-Lao.
— Nước Cam-Bót ở biên Việt-Nam không, chú?
— Không bằng, chú ạ! Chỉ được hơn phân nửa nước ta thôi. Điện-tích ước-dớ 180.000km²
Tăn hỏi thêm:
— Địa-thể Cam-Bốt có gì độc-biệt không, chú?
— Cam-Bốt có ba miền rõ-rệt: miền Bắc có dầy núi Đặng-Rek chạy dọc theo biên giới Cam-Bôt và Thái-Lan, chỉ cao từ 400m đến 700m, có nhiều đảo thấp nên việc giao-thông giữa Cam-Bôt và Thái-Lan được dễ dàng. Miền Tây-Nam có dầy núi Đậu-Khấu, cao hơn 1.000m chạy dọc theo biên cảnh Thái-Lan. Ô phia Nam có núi Con Voi, ngăn hơn hai dầy về. Ngoài những dầy núi này ra, Cam-Bôt là một bình-ruộng rộng lớn, phi nhiều những trũng thấp. Ô giữa bình-ruộng này có một cái hồ lớn gọi là Biển-Hỏ. Chung quanh Biển-Hỏ có nhiều rừng, thường bị ngập vào mùa nước lớn.

Tăn hỏi tiếp:
— Cam-Bót có bờ biển rộng và nhiều sông ngòi như ở Việt-Nam không, chú?

Công cùng muốn tìm hiểu nên xen vào:
— Khí-hậu ở Cam-Bôt có gió Việt-Nam không, chú?

EM NHÓ:

Cam-Bót, Bắc giáp Ai-Lao và Thái-Lan; Đông và Nam giáp Việt-Nam; Tây-Nam giáp Vịnh Thái-Lan. Điện-tích ước-dớ 180.000km².

Cam-Bót là một bình-ruộng to rộng. Miền Bắc có dầy núi Đặng-Rek và miền Nam có dầy Con Voi, dầy Đậu-Khấu.


EM CÓ BIẾT KHÔNG?

2. Điện-tích của Cam-Bót dớ bao nhiêu?
3. So-sánh điện-tích Cam-Bót với Việt-Nam.
4. Địa-thể Cam-Bôt như thế nào?
5. Cam-Bót có con sông nào quan-trọng?
29. CAM - BỘT NHÂN - VĂN

EM QUAN - SÁT VÀ SUY - LUẢN :

Hình 1 : Cung - điện của Vương-quốc Cam - Bột.
- Lối kiến trúc này có gì đặc biệt ? Thế nào là cung - điện ? Cung - điện to hay nhỏ ?

Hình 2 : Chợ trung vương ở Nam - Vang.
- Chợ này có lâu không ? Truởc chợ em thấy những gì ? Chợ này đẹp hay xấu ?

Hình 3 : Đê Thiền Đê Thịch.
- Đèn này có rộng lớn không ? Em đã thấy quọc kỳ Cam - Bột bao giờ chưa ? Em nhận thấy trên là quoc - kỳ Cam - Bột có hình gì ?

Hình 4 : Một nhà sư ở Cam - Bột.
- Nhà sư phúc - sức thế nào ? Nhà sư ở nước ta có phúc - súc như thế không ? Trong hình, em còn thấy gì nữa ?
Ngày... tháng... năm 19...

Chủ Hải đã đi Cam-Bốt rồi và ở tại Nam-Vang. Hôm nay Tến thấy búi-ngủi nởr chủ quá. Tần không biết ở Nam-Vang có vui không và dân-chúng có dòng Như ở Việt-Nam không nên hỏi chủ Ngọc:

- Nam-Vang là gì của Cam-Bốt, hỡi chủ?
- Nam-Vang là thủ-dô của Cam-Bốt.

Tần hỏi tiếp:

- Nam-Vang có to bằng Sài-Gòn không, hỡi chủ?

Công chây đến xen vào:

- Ó Cam-Bốt có những thành-phố nào lớn nữa, hỡi chủ?
- Ngoài thủ-dô Nam-Vang, Cam-Bốt còn có Bättam-Bàng (Battambang), U-Dông (Oudon) Siêm-Rząd.

Tần hỏi thêm:

- Thưa chủ, nước Cam-Bốt còn vua phải không?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẨN:

Hình 1: Dân chài Cam-Bốt.
- Cá có phải là nguồn lợi lớn của Cam-Bốt không? Dân chài thường đánh cá ở đâu? Em thấy trong hình này, họ đánh cá bằng gì?

Hình 2: Vườn tiêu ở Cam-Bôt.
- Em có ăn tiêu được không? Người ta dùng tiêu để làm gì? Tại sao người ta trồng tiêu nhiều vậy?

Hình 3: Một phụ-nữ Cam-Bôt đang đệt thấm.
- Thắm dùng để làm gì? Dân Cam-Bôt đệt thấm bằng gì? Đệt thấm có phải là một tiêu-công-nghề không?

Hình 4: Gió máy bò bán ở chợ Nam-Vang.
- Em thấy những gió máy trong hình này có giống gió máy của ta không? Ngoài máy ra, người ta còn dùng gì để đan gió? Những gió này dùng để làm gì?
Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay chú Hai ở Nam-Vang về. Chú có mua cho ba mà Tần hai kỳ đường thơt-nốt. Tần hỏi chú:

- Cam-Bốt có những nông-sản nào chính, Hà chú?

- Cam-Bốt có Biên Hồ rộng lớn, chắc là nghề chài lưới của họ thống-vương làm phải không, chú?

Công vrae nhai một miếng đường thơt-nốt, vừa hỏi:

- Công-nghệ ở Cam-Bốt thế nào, Hà chú?

Tần hỏi thêm:

- Cam-Bốt có làm-sản, khoảng-sản gì không, chú?
- Ở Cam-Bốt, đường giao-thông ra sao, chú?

- Còn việc buôn-bến ở Cam-Bốt ra sao, Hà chú?

EM NHƠ:

Cam-Bốt có trồng nhiều lúa. Ngoài ra, còn trồng bắp, thuộc lúa, hổ-tiều, cao-su....

Cam-Bốt cũng có nhiều rừng và mỏ nhung chưa được khai-thạch may.

Nghề chăn-nuoi và chai lưới thi khá thống-vương vì có nhiều dòng cố và sông hồ.

Cẩn nên kỹ-nghệ và thương-mai ở Cam-Bốt hai hết trong tay ngoại-kieu và ngày nay, chính-phủ đang giám lại chủ-quyền.

EM CƠ BIẾT KHÔNG?

1. Kể vải nông-sản ở Cam-Bốt.
2. Cam-Bốt có những mỏ gì?
3. Tại sao nghề chăn-nuoi và chai lưới ở Cam-Bốt được thống-vương?
4. Nên kỹ-nghệ thương-mai ở Cam-Bôt thế nào?
5. Cam-Bốt có những đường giao-thông nào quan-trong?
31. BÀI-ÔN
CAM - BÔT

1. Diện tích Cam-Bôt rộng độ bao nhiêu?
   a. 90.000km²  c. 120.000km²
   b. 180.000km²  d. 250.000km²

2. Ghi vào bản đồ vế sân:
   a. Các nước giáp ranh với Cam-Bôt.
   b. Tên các dãy núi.
   c. Tên các con sông.
   d. Tên thủ đô và các thành phố lớn.
   e. Vẽ đường giao thông:
      • màu đỏ: đường bộ.
      • màu xanh: đường xe lửa.

3. Đân số Cam-Bôt độ bao nhiêu?
   a. 2 triệu  b. 3 triệu  c. 4 triệu  d. 5 triệu

4. Đân Cam-Bôt theo tôn giáo nào nhiều nhất?
   a. Thích-chúa giáo  b. Phật-giao

5. Cam-Bôt theo chính thể nào?
   a. Dân-chủ
   b. Quản-chủ chuyên-chế
   c. Quản-chủ lấp-hiện

6. Những cây gì được trồng nhiều ở Cam-Bôt?

7. Nhờ đầu nghiêm chải lưới Cam-Bôt được thịnh vượng?

8. Kỹ-nghê và thương-mai ở Cam-Bôt ra sao?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Một chiếc thuyền luột nhẹ trên dòng sông Cửu Long.
• Em thấy chiếc thuyền này thế nào? So sánh với thuyền của Việt Nam có gì khác không?
  Bên kia bờ sông, em thấy gì?

Hình 2: Một làng ở ven suối nương.
• Em thấy nhà cửa trong hình này thế nào?
  Những nhà này lợp bằng gì?
  Thước lớp nhà nào?
  Tại sao phải cắt nhà sẵn?

Hình 3: Một thung lũng ở Ai Lao.
• Em thấy gì ở xa xa? Phía sau nhà có những gì?
  Nhà lên vây?
  Ruộng-nương ở đây thế nào?

Hình 4: Vườn dừa ở Luang Prabang.
• Em thấy nước nhà trong hình thế nào?
  Em thấy những gì lẫn trong vườn dừa?
  Ngô vào nhà ở phía nào?
Ngày... tháng... năm 19...  

Chị Ngọc xem Trần tổ mặt bàn-dổ Ai-Lao, hỏi thử:
— Trần cho chị biết vị-tri, giới-hạn nước Ai-Lao nào?

Tận cười và chỉ vào bàn-dổ, nói:
— Ai-Lao ở giữa bán-dổ Hoa-Ân, Bác giáp Trung-Hoa, Đông giáp Việt-Nam, Nam giáp Cam-Bốt, Tây giáp Miền-Diên và Thái-Lan.
— Điên-tích Ai-Lao bao nhiêu, em?
— Điên-tích Ai-Lao ước-dổ 233.000km², bằng 2/3 điên-tích nước Việt-Nam.

Chị Ngọc khen:
— Bịa này em Trần giỏi lắm. Vậy em cho chị biết thêm đã-thể của nước Ai-Lao ra sao?


Công hồi thêm:
— Khí-hậu ở Ai-Lao có giống Việt-Nam không?

Chị Ngọc hỏi tiếp:
— Vậy sông ngồi ở Ai-Lao như thế nào?

EM NHỚ:

Ai-Lao, Bắc giáp Trung-Hoa, Đông giáp Việt-Nam, Nam giáp Cam-Bốt, Tây giáp Thái-Lan và Miền-Diên.

Diện-tích ước-dổ 233.000km².


EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Ai-Lao giáp ranh với các nước nào?
2. Điên-tích Ai-Lao ước-dổ bao nhiêu?
3. Địa-thể Ai-Lao thế nào?
4. Khí-hậu ở Ai-Lao ra sao?
5. Ở Ai-Lao có con sông nào quan-trọng?
EM QUAN-SÁT VÀ SỤY-LUẬN:

Hình 1: Ngày lễ Phật ở Ai-Lao.
- Người đi lễ Phật trong hình này đông hay ít?
- Trên nóc dền ở giữa hình, em thấy gì?
- Cách ăn mặc của người Lào ra sao?

Hình 2: Một điều vui của người Lào.
- Vụ diễu nầy có giống vụ diễu của ta không?
- Theo em nhận xét, người phụ nữ Lào trong hình này ăn mặc khác với các phụ nữ trong hình 1 như thế nào?

Hình 3: Hai em bé Lào ăn hủ-tiếu.
- Cách ăn của hai em nầy có giống người Việt-Nam không? Tay vẩy có của các em có đeo gi?
- Hai em bé nầy mặc áo Quân ra sao?

Hình 4: Một đường phố chính ở Văn-Tương.
- Em thấy đường phố nầy thế nào?
- Một tiệm buôn bán của Việt kiều trong hình này lấy hiệu gì?
- Trên lâu các cửa tiệm có treo gì?
Ngày... tháng... năm 19...

Tắn nghe trò Thanh nói ba trọ vào ở Ai-Lao về.

Tắn đến hỏi chỉ Ngoc:
— Dân sò ở Ai-Lao có đông không, hả chỉ?

Tắn hỏi tiếp:
— Ô Ai-Lao có dân thiếu-sò và ngoại-kiều như ở Việt-Nam không, chỉ?

Tắn then-thởng đáp:

Chỉ Ngoc vui-vẻ đáp:

EM NHỚ:

Dân-sò Ai-Lao được hai triều người, sống về nghề nông, chăn-núi và chài lười. Họ theo dạo Phật và thịnh ca nha, hỏi-hề.


Ai-Lao đã công-nhan Việt-Nam Cộng-Hòa và hai nước có trao đổi Bái-sử.

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Dân-sò Ai-Lao dò bao nhiêu?
2. Người Lào thường sống về nghề gì?
3. Bàn tính của người Lào thế nào?
4. Dân thiếu-sò và ngoại-kiều ở Ai-Lao gom những ai?
5. Ai-Lao có liên-lạc gì với Việt-Nam Cộng-Hòa không?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Một thiếu nữ Lào đang quay tạ.
- Tay trái thiếu nữ đang cầm vật gì? Những bánh xe có nan quạt hai bên đùng để làm gì? Tộc của thiếu nữ báo thì nào?

Hình 2: Người thợ điêu khắc.
- Em thấy những tượng gì trong hình? Người thợ đang làm gì? Nghề điêu khắc này thuộc tiêu-công-nghề hay dải-kỹ-nghề?

Hình 3: Cánh đồng quê ở Ai-Lao.
- Em có biết trong hình này, con nào là trâu, con nào là bò? Theo em, vung này có thuận-tiện cho việc chăn-núi không?

Hình 4: Chiếc phà trên sông Cửu Long.
- Chiếc phà này đang làm gì? Em có thể cẩn-cứ trên phượng-diện nào để nói chiếc phà này của người Lào? Việc chuyển-chở hàng-hóa bằng đường thủy có lợi ích không?
Ngày... tháng... năm 19...

Tội nay, bà Hương, bạn của mẹ Tấn, sang từ-già mẹ Tấn, để sang mai chỗ hàng-hoa lêm Văn-Tương. Tấn tö-mò muốn biết bà dem những hàng-hoa gi qua Ai-Lao, chây ra hô thâm bà:

- Di Hai dem những hàng-hoa gi lêm Văn-Tương bàn vài, hà di Hai?

- Thi mình dem những gi mà ở Ai-Lao không có nhiều như nuôi, nước mắm, cà, tôm khô, thuốc là, xà-bông, dò thủy-tính, giầy dép, guốc, dò cao-su, dù, nón...

- Rồi di Hai có mua gi dem về Việt-Nam không?

- Có chứ! Di mua những hàng-hoa gi bên đó giới rể như cả-phế, nấm, đâu nánh, cạnh kiên, đâu khâu, trái, bố hay dã-thú.

- Ai-Lao còn mua món gi khác nữa không, hà Hai?

- Họ còn mua gao, vai, đâu hòa, máy-móc, điều-phẩm và các che-phẩm.

Tấn day qua hỏi chị Ngọc:

- Sự giao-thông ở Ai-Lao thế nào, hà chi?


Công xen vào:

- Ai-Lao có những sán-vật gi, hà chi?


kiên. Về làm-sản, Ai-Lao có nhiều rừng với các gò gì quí như tech, trắc, mun và các làm-sản khác là nhụa thòng, hói, đâu-khâu và thú rừng như voi, cop, báo, bố rừng...

Về khoảng-sản, Ai-Lao có mò thiec ở Cam-Môn, mò chi ở Chê-Pon, mò sat ở Sâm-Nura, Xiêng-Khoang. Ông các lòng sông, dân-chủng dài cát lấy vàng.

Tấn hỏi thêm:

- Ông Ai-Lao có những công-nghệ gì, hà chi?

- Ông Ai-Lao, đôi-kỳ-nghệ chưa được mô-mang, chỉ có vai kỳ-nghệ khai mô và nhà máy cưa gô mà thôi. Phần nhiều công-nghệ Ai-Lao có những tiêu-công-nghệ giadro trong như đét vai, lụa, đan chiếu, nung vậy, dòng thụyển.

Đến đấy, bà Hai cao từ ra về...

EM NHÓ:

Nông-sản chính của Ai-Lao là lúa, nhưng không đủ dùng trong nước, phải mua thêm của Thái-Lan.

Người lớn ra, người Lào còn trông bắp, mê, cả-phế, thuốc lao, nha-phién, cạnh kiên và chăn nuôi trâu, bò, heo, gà...

Lâm-sản ở Ai-Lao gồm có gô quí và thú rừng.

Khỏang-sản ở Ai-Lao có mò thiec, chỉ, sát.

Về giao-thông, ở Ai-Lao chỉ có đường bố là quan-trọng nhất.

Ai-Lao mua của Việt-Nam muối, vài, các che-phẩm và bàn cho Việt-Nam trâu, bò, da thú, cánh kiên...

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Ai-Lao có những nông-sản gì?

2. Lâm-sản và khoảng-sản của Ai-Lao có những gì?

3. Đường giao-thông nào quan-trọng ở Ai-Lao?

4. Kỳ-nghệ ở Ai-Lao như thế nào?

5. Ai-Lao xuất-cảng và nhập-cảng những mơn hàng gì?
35. BÀI-ÖN: AI-LAO

1. Ai-Lao giáp ranh với các nước:
   a. Mũi-Lai    d. Trung-Hoa  g. Phi-lục-Tàn
   b. Việt-Nam   d. Nхот-Bọn        h. Miền-Diên
   c. Án-Bổ     e. Thái-lan      i. Cam-Bốt

2. Diện tích Ai-Laoước-dô:
   a. 180.000km² b. 233.000km² c. 330.000km²


4. Dân-số Ai-Lao dỗ:
   a. Một triệu người c. Hai triệu người
   b. Ba triệu người d. Bốn triệu người

5. Ai-Lao là một nước dobr-lập theo chính-thể:
   a. Quân-chủ chuyển-chế
   b. Quân-chủ lập-hiến
   c. Dân-chủ

6. Nhà vua dòng-dỗ & :
   a. Văn-tướng    b. Luang-Probang

7. Nông-sản chính của Ai-Lao là gì?

8. Đường giao-thông nào quan-trọng nhất ở Ai-Lao?
   a. Đường bộ    c. Đường xe lửa
   b. Đường thủy d. Đường hàng-khörng

9. Ai-Lao mua bán những gì với Việt-Nam?
   Mua của Việt-Nam:  Bản cho Việt-Nam:
   ........................................
   ........................................

10. Ghi vào bản đồ về dân:
    a. Tên các nước giáp ranh với Ai-Lao.
    b. Tên kinh-dồ, thủ-dồ, các thành-phố quan-trọng.
36. TRUNG-HOA THIÊN-NHIÊN

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Những cảnh dông ở Trung-Hoa.
- Em thấy những bờ mâu như thế nào? Thừa ruột có hình chu-nhuyết như ở nước ta không? Xa xa em thấy có gì?

Hình 2: Văn-ly Trương-Thành.
- Em có nghe nói Văn-ly Trương-Thành là người chua? Văn-ly Trương-Thành là do thiên-nhiên tạo ra hay do sức người tạo nên? Núi non trong hình như thế nào?

Hình 3: Giông lắc-da ở miền bắc Trung-Hoa.

Hình 4: Một « làng nói » ở miền Nam Trung-Hoa.
- Thế nào là làng nói? Tại sao người ta phải dùng thuyền tam-bàn để, làm nhà ở? Nhà nòi có phải là nhà sắn không?
Ngày... tháng... năm 19...

Sáng nay, nghe Tân học bài Việt-Sư « Muối năm kháng-chiến chống quan Minh », Công hói:
— Quân Minh ở đâu, anh Tán?
— Ở bên Tàu.

Công chày den hỏi thêm chi Ngọc:
— Nước Tàu ở đâu, nhà chi?
— Nước Tàu, còn gọi là nước Trung-Hoa, ở phía Bắc nước ta.
— Nước Trung-Hoa lớn không, chi?
— Lớn lắm! Điện-tích gần 10 triệu km², gấp 30 lần nước Việt-Nam, nước Trung-Hoa, Bắc giáp Tây-Bắc-Lội-Á, Đông giáp biên Trung-Hoa, Nam giáp Việt-Nam, Miền-Diện, An-Đô, Tây giáp Tây-Tạng.
— Chi cho em biết thêm về nước Trung-Hoa di?

Tán ngung học bài, đến nghe chi giải-thích:
— Trung-Hoa gòm hai phần: Trung-Hoa lục-dịa và đảo Đại-Loan. Trung-Hoa lục-dịa chia làm ba miền:

Miền Hoa-Bắc có nhiều cao-nguồn rừng lớn như Cam-Túc, Thiểm-Tây, nhiều dân cư cao như Thái-Hanh-Son, Ngụ-Dài-Sơn và một binh-nguồn lớn ở đậu theo sông Hoàng-Hà. Ở miền này, mưa đồng rát lệnh và mưa hè thì lại rát nồng.


Miền Hoa-Nam có cao-nguồn Văn-Nam với nhiều dân cư hiềm-trợ và binh-nguồn ở đúc theo sông Tây-Giang. Ở miền này chủ anh-hướng của gió mưa như Việt-Nam.
— Ông Trung-Hoa lục-dịa có sông nào lớn không, chi?


Còn Đại-Loan là một hòn đảo lớn hình chèo lá. Ở miền Đông và miền Trung có nhiều dân cư cao, chày tự Bắc xuống Nam, trống gió như sông lung cua hòn đảo. Miền Tây là một binh-nguồn rát phi-nhiêu. Ngoài ra, Đại-Loan còn có một số đảo nhỏ. Điện-tích độ 36,000 km² (gần bằng 1/3 Việt-Nam Công-Hoa).

TRUNG-HOA ở miền Đông Châu Á, Bắc giáp Tây-Bắc-Lội-Á, Đông giáp biên Trung-Hoa, Nam giáp Việt-Nam, Miền-Diện, An-Đô, Tây giáp Tây-Tạng. Điện-tích gần 10 triệu km². Trung-Hoa chía làm hai phần:


2. Còn Đại-Loan là một hòn đảo lớn, ở miền Đông và Trung có nhiều núi, miền Tây là binh-nguồn phi-nhiêu. Điện-tích vợt độ 36,000 km².

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

3. Sông Hoàng-Hà có gì đặc-biết?
4. Đảo Đại-Loan giống hình gì?
5. Điện-tích Đại-Loan đổi bao nhiêu?
37. TRUNG-HOÀ NHÂN-VĂN

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẢN:

Hinh 1: Phủ Tông-Thống ở Đại-Bắc.
- Em thấy gì trên đỉnh? Lời kiến-trúc này ra sao?
  Đường vào Phủ thế nào?

Hình 2: Một khu phố ở Đại-Bắc.
- Đại-Bắc có phải là thủ đô của Trung-Hoa Dân-Quốc không? Trước mỗi phố có treo gì?
  Đường phố thế nào?

Hình 3: Một em bé Trung-Hoa.
- Cách phúc-súc của em bé ra sao? Em ấy
dái gì sau lưng? Người Việt-Nam có làm thế
  không? Đại như vậy lại, hại thế nào?

Hình 4: Một nhà su Trung-Hoa.
- Nhà su đang làm gì? Trên bàn thờ em thấy
có gì? Em hãy so-sánh với một bàn thờ ở
  Việt-Nam.
Ngày... tháng... năm 19...

Chị Ngọc đang ngồi xem sách thi Công chào vào hỏi:

— Chị Ngọc nhé! Có phải nước nào trên thế giới cũng có người Trung Hoa đến làm ăn buôn bán không, chị?

— Như vậy, dân-số họ chắc đông lắm, phải không?

— Dân-số Trung Hoa nhiều lắm, em a! Đó 700 triệu người, hơn 20 lân dân-số Việt Nam. Riêng ở Đài Loan có hơn 11 triệu người, cho nên Trung Hoa bị nản nhân-màn và phải di cư sang các nước khác làm ăn.

Tần như nhờ ra, đến hỏi chị:

— Chị Ngọc ơi! Hôm trước em vào Chợ Lớn thấy mấy người Trung Hoa nói chuyện với nhau mà họ không hiểu nhau, tại sao họ lại như vậy?

— Vì người Trung Hoa ở mỗi miền nói một thứ tiếng khác nhau, nhưng chúng rất giống nhau.

— Thưa chị, nước Trung Hoa văn hóa có cao không?


Công xin vao:

— Hỏi theo đạo nào, đã chì?

— Trừ một ít theo đạo Hội và đạo Thiên Chúa, còn phần đông theo đạo Phật, đạo Lão và đạo Khổng.

Tần hỏi thêm:

— Hỏi theo chính thể nào, chị?


Công hỏi tiếp:

— Trung Hoa có thành phố nào lớn không, chị?

— Có! Ở Trung Hoa lực-dịa có các thành phố lớn như Bắc-Kinh, Thiên-Tần, Thượng-Hai, Hán-Khấu, Nam-Kinh, Quang-Châu... Còn Trung Hoa Dân Quốctheo thụ-dổ là Đại-Bắc và các thành phố là Đại-Trung, Đại-Nam, Cao Sơn (Kaohsiung)....

EM NHỚ:

Dân-số Trung Hoa có độ 700 triệu người, riêng Đài Loan có hơn 11 triệu người. Người Trung Hoa không nói chung một thứ tiếng nhưng họ cũng viết một thứ chữ.

Hầu hết dân Trung Hoa đều theo đạo Phật, đạo Lão và đạo Khổng.

Hiện nay, Trung Hoa lực-dịa thuộc Cộng sán và Đài Loan thuộc vế Trung Hoa Dân Quốctheo chính thể Cộng Hòa. Thụ-dổ của Trung Hoa Dân Quốctheo đó là Đài Bắc.

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Dân-số Trung Hoa có độ bao nhiêu người? So sánh với dân-số Việt Nam.

2. Tại sao nhiều người Trung Hoa di-cư sang các nước khác?

3. Người Trung Hoa theo đạo gì?

4. Hiền nay Trung Hoa Dân Quốctheo đạo gì?

5. Thụ-dổ của Trung Hoa Dân Quốctheo đó là gì?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUẬN:

Hình 1: Một nông-phu người Trung-Hoa.
- Người nông-phu đang làm gì? Họ dùng trâu hay bò? Tại sao ở nước ta thường dùng cả đôi trâu?

Hình 2: Phơi lúa.
- Người ta phơi lúa ở đâu? Em có thấy quang cảnh này ở Việt - Nam không? Ở Việt - Nam, người ta phơi lúa ở đâu?

Hình 3: Một cảnh buôn-bán.
- Người ta đang buôn bán gì? Rau cái có phải là thức ăn cần thiết không? Cảnh buôn-bán này thể nào?

Hình 4: Cánh bên tàu.
- Tàu này có phải là tàu buôn không? Tàu này đang làm gì? Trên bên tàu em thấy có gì?
Ngày... tháng... năm 19...

Hôm nay mẹ Tấn dâu. Chị Ngọc sắc thương cho mẹ. Tấn to-mò mở thang thương ra xem, thấy nhiều loại cây, lá rất thơm. Tấn thác-mặc đetten hội chị Ngọc:

— Tài sao nhữngتكلم thương bạc phần nhiều là do người Tàu bán, há chị ?

— Vi thương bạc là loại thương được nhập-càng của Đại-Loan.

— Thừa chí, ngoài thương bạc ra, Đại-Loan còn sản-xất thứ gì nữa ?


— Nên kính-tế ở Đại-Loan có gì quan-trọng, há chị ?

— Đại-Loan là một quốc-gia khá giàu, hầu hết các tài-nguyên đều được khai-thác. Lâm-san thì có các loại gỗ quý như sen, long-nào và các sản-vật khác như quế, sâm... Còn khoáng-sản thì có vàng, bạc, đồng và than. Tiêu-công-nghệ thì phân lông có tinh cách có-truyền như dỗ sù, dỗ đồng, dỗ chum, dỗ ngà, vải-vóc... Đại-ky-nghệ thì có các xưởng luyện thep, xưởng đóng tàu, xưởng lọc kim, nhà máy to-ô-si, nhà máy làm đồ nhựa, dỗ nhôm, nhà máy xi-măng, nhà máy đường...

— Đường giao-thông ở Đại-Loan như thế nào, há chị ?


— Đại-Loan giao-thông với các nước nào, há chi ?

— Đại-Loan buổi-bàn với nước Nhat, Anh, Hoa-


EM NHỚ :

Đại-Loan rất phát-triền về canh-nông. Đại-Loan trồng nhiều lúa, trà, mìa, thương bạc...

Đại-Loan có mở vang, mở bạc, mở đồng và mở than.


Đại-Loan bán cho Việt-Nam đường, giấy, xi-măng, thương bạc và mua của Việt-Nam thực-phẩm và nguyên-liệu kỹ-nghệ.

EM CÓ BIẾT KHÔNG ?

2. Đại-Loan có những mò gì ?
3. Đô sù cửa Đại-Loan ra sao ?
4. So với Việt-Nam, nên đại-ky-nghệ của Đại-Loan thế nào ?
5. Đại-Loan bán cho Việt-Nam những gì ?
39. BÀI ÔN : TRUNG-HOA

1. Ghi vào bản đồ:
   a. Tên các nước giáp ranh với Trung-Hoa.
   b. Tên 3 miền của Trung-Hoa lực-dịa.
   c. Tên các con sông lớn.
   d. Tên thủ-dổ và các thành-phố lớn.

2. Diện-tích Trung-Hoa lực-dịa uróc-dổ:
   a. 8 triệu km²  b. 10 triệu km²  c. 12 triệu km²

3. Diện-tích đảo Đại-Loan uróc-dổ:
   a. 18.000km²  b. 25.000km²  c. 36.000km²

4. Dân-số Trung-Hoa lực-dịa dổ:
   a. 700 triệu người  c. 900 triệu người
   b. 500 triệu người  d. 300 triệu người

5. Dân-số Đại-Loan dổ:
   a. 9 triệu người  c. 11 triệu người
   b. 14 triệu người  d. 20 triệu người

6. Hậu hết dân-số Trung-Hoa theo dạo:
   a. Thiền-chúa giáo  b. Phật-giao

7. Đại-Loan thuộc về:
   a. Công-sản  b. Trung-Hoa Dân-Quốc

8. Đại-Loan phát-triền nhiều nhút vể:

9. Đại-Loan có các mò gì?

10. Đại-Loan mua bán những gì với Việt-Nam?
    Mua của Việt-Nam  Bán cho Việt-Nam:

CHƯƠNG IV
THÁI-LAN
40. THÁI-LAN THIÊN-NHIÊN

EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Một bên sông ở Thái-Lan.
- Trên bên sông, em thấy có gì? Ngoài các đền chùa còn có gì? Trên dòng sông có gì?

Hình 2: Một trụ rừng đầy nước vào mùa cày
- Xa xá em thấy có gì? Núi non có hiểm trở không? Đồng rừng ra sao?

Hình 3: Một chiếc xe bò ở xú Thái.
- Quang cảnh này ở miền quê hay ở thành-thị? Xe bò này dùng để chở gi? Có phải chạy thọc từ đồng lúa về nhà không?

Hình 4: Sông Mê-Nam chảy qua thành-phố Vọng-Các.
- Em có nghe nói đến sông Mê-Nam chưa? Cái gì có đỉnh cao nhất trong hình?
Ngày... tháng... năm 19...

Đứng theo lời hứa, chiều nay, cơm nước xong, chị Ngọc dẫn Công và Tấn đi xem đa bông. Đến vanguard-trưởng Cộng Hòa, tìm được số ghế, chị Ngọc ngồi giữa hai em. Công hỏi Tấn:

- Hôm nay Việt-Nam đa với hội nào, hà anh Tấn?
- Tấn nhìn về góc sân, chỉ cho Công xem tạm bằng và nói:

- Đã với Thái-Lan. Em có thấy lá có Thái-Lan đang phát-phối bay bên cạnh lá quốc kỳ Việt-Nam ở đằng kia không?
- Công gật đầu, hỏi tiếp:

- Nước Thái-Lan ở gần nước Việt-Nam không, anh Tấn?


Chị Ngọc hỏi thêm:
- Vậy em có biết khí hậu ở Thái-Lan thế nào không?

Tấn còn đang suy-nghiêí thì Công hót lời:
- Ở Thái-Lan nồng lạnh phải không, chị?
- Tấn hậm-hực:

- Sao Công biết?
- Thi hôm trước em nghe chú Ba nói vậy đó.

Chị Ngọc giải-hóa:

- Công nói đúng, khí hậu ở Thái-Lan giống như khí hậu ở Việt-Nam vì Thái-Lan nằm trong vùng nhiệt đới và cũng chịu ảnh hưởng gió mùa nên nóng quanh năm và âm, về mùa hè mua nhiều ở miền núi và bán đảo.

Bông tiếng còi chóng-tái re lên, mọi người im lặng, theo dõi trận đầu...

Thái-Lan nằm giữa bán-dảo Hoa-Ann, Tây, Bắc và Đông giáp Miền-Diên, Ai-Lao và Cam-Bốt, Nam giáp vịnh Thái-Lan và Mả-Lai. Diện-tích ước-dãy 520.000 km².

Thái-Lan có nhiều núi cao ở miền Bắc, cao-nguyễn ở miền Đông, bính-nguyễn sông Mê-Nam ở giáp và nhiều rừng núi ở miền Nam. Sông Mê-Nam ở Thái-Lan rất quan trọng.

Khí hậu ở Thái-Lan nóng và âm. Về mùa hè có mưa nhiều.

EM CÓ BIẾT KHÔNG?

1. Nước Thái-Lan ở đâu?
2. Diện-tích ước-dãy bao nhiêu?
3. Miền Bác Thái-Lan có gì? Còn miên Nam ra sao?
4. Sông nào quan-trọng nhất ở Thái-Lan?
5. Khí hậu ở Thái-Lan ra sao?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Cành một ngôi chùa ở Vọng-Các.
   - Nóc chùa này Thế nào? Em thấy gì trước cống chùa? Ngôi chùa này có to lớn làm không?

Hình 2: Những nhà sư ở Thái-Lan.
   - Các nhà sư đang làm gì? Có phải đi khất-thúc không? Thế nào là khất-thúc?

Hình 3: Một cảnh buổi-bàn tập-nap.
   - Em trong những người thiếu-nữ này ăn mặc ra sao? Họ có mặc quần giống như dân ta không?
The tóc họ cắt ngắn hay để dài?

Hình 4: Cung-diện của Quốc-Vương Thái-Lan.
   - Quang-cảnh này trong Thế nào? Lời kiến-trúc tên-ký hay có-kinh?
Ngày... tháng... năm 19...

Chị Ngọc đang xem báo. Tắn đến nhờ chị:
— Chị có rành không, cho em hỏi tí?
— Có. Em muốn hỏi chị điều gì?
— Ngày mai em học bài Thái-Lan nhân-văn, nhờ chị giúp em tài-liệu với.

Tắn hỏi tiếp:
— Nước Thái-Lan còn vua phải không, chị? Vi em nhớ có một lần em đi dón ống vua và bà hoàng-hậu Thái-Lan sao thấm Việt-Nam?

Chị Ngọc đáp:
— Phải đó! Thái-Lan còn vua, nhưng việc cải-trí trong nước do vjing Thư-Tuong điều-kiện. Thái-Lan là một hội-viện của Liên-hịch-Quốc. Thủ-dô là Vong-Các và các thị-trấn lớn là U-Bống, Ko-Rát, Nong-Khay, Xiêng-Mai...

EM NHÓ:
Dân số ở Thái-Lan vóc-dộ 28 triệu người, gồm có người Thái và một số người-kiểu.
Hậu hết dân Thái theo đạo Phật thuộc ngành tiếu-thừa.
Hiện nay, Thái-Lan là một nước quân-chủ. Thủ-dô là Vong-Các và các thành-phố lớn là U-Bống, Ko-Rát, Nong-Khay, Xiêng-Mai...

EM Có BIẾT KHÔNG?
1. Dân-số Thái-Lan vóc-dộ bao nhiêu?
2. Dân Thái theo đạo gi nhiều nhất?
3. Thái-Lan theo chính-thể nào?
4. Tên thủ-dô Thái-Lan là gì?
EM QUAN-SÁT VÀ SUY-LUÂN:

Hình 1: Những bò mạ xanh.
- Em thấy những gì trong hình? Những bò mạ dùng để làm gì? Trước khi cày, ruộng cần phải thế nào?

Hình 2: Chợ nội ở Thái-Lan.
- Người ta chế những gì trên xuống? Lạch nước có công dụng gì? Tại sao ở Thái-Lan có nhiều chợ nội?

Hình 3: Những sản phẩm đặc biệt ở Thái-Lan.
- Người thiếu nữ trong hình đang làm gì? Chỉ vào cự bắc ấy có đẹp không? Nghề thủ công làm đó bắc ở Thái-Lan có được nội tiếng không? Em có biết người ta dùng thứ kim-khí nào để kéo sợi đế trong những tấm lụa này không?

Hình 4: Những tấm gốm tech.
- Trong hình người ta dùng gì để kéo gốm? Gốm tech dùng để làm gì? Người ta lấy gốm nay ở đâu? Tại sao gốm tech là một nguồn lão quan trọng của Thái-Lan?
Ngày... tháng... năm 19..

Hôm nay, đoàn cầu Thái-Lan lên đường về nước. Tận biệt chi xem họ về bằng phương tiện gì và chi Ngọc cho biết:

- Họ về bằng đường hàng-không và từ Sai-Gòn đi Vông-Các chỉ mất đó một giờ rưỡi.
Công xin vǎo:
- Á mà em nghe nói phi-trường Vông-Các lớn làm phải không, chi?
Tận biệt tiếp:
- Vông-Các có to bằng Sai-Gòn không, chi?
Tận biệt thêm:
- Thưa chi, dân Thái-Lan thường sống báng nghề gì?
- Chí phần người ngoài Thái là nông-nàn. Lúa của họ đủ dùng, còn để xuất-cảng nữa. Ngoài lúa, còn có các nông-sản khác như bắp, đậu, tiêu, thuốc lá, bông, gai, cao-su... cũng được họ trồng khắp nơi trong nước.
- Họ có những làm-sản và khoảng-sản gì nhiều, hả chi?

---

Cơn thương-mại ở Thái-Lan thế nào, chí?

Ở Thái-Lan, các thương-gia phân lơn là người Trung-Hoa. Thái-Lan xuất-cảng rất nhiều gao. Ngoài ra, họ còn bán thiếc, cao-su, gò téc và nhập-cảng may-móc, xè cọ, vai-vóc và các chị-phẩm. Thái-Lan mua của Việt-Nam cả khô, đồ gốm, phột-phát và bàn cho Việt Nam bông, gai, giấy...

---

Về làm-sản, đặc biệt Thái-Lan có nhiều gò téc.
Về khoảng-sản, Thái-Lan có nhiều mồ, than, thiếc, sắt, măng-gan.
Sự giao-thông ở Thái-Lan bằng đường hàng-không, đường xe lửa, đường bộ và đường thủy trên sông và kinh đạo rất tiện lợi.
Nên kỹ-nghệ ở Thái-Lan đang được phát-trien và nên thương-mại khá phát đạt.
Thái-Lan mua của Việt-Nam cả khô, đồ gốm, phột-phát và bàn cho ta bông, gai, giấy.

---

EM CÓ BIỆT KHÔNG?
1. Dân Thái thường sống bằng nghề nào?
2. Nước Thái-Lan có làm-sản gì đặc biệt?
3. Nên kỹ-nghệ và thương-mại ở Thái-Lan ra sao?
4. Thái-Lan mua các nước gì với nước ta?
5. Theo em, sự giao-thông ở Thái-Lan có gì đặc biệt?

---
43. BÀI-ÔN: THÁI-LAN

1. Chi vào bản đó về sân:
   a. Tên các nước giáp ranh với Thái-Lan.
   b. Vẻ những dãy núi cao.
   c. Tên con sông lớn nhất.
   d. Tên thủ đô và các thành phố lớn.

2. Diện tích rộng độ:
   a. 400.000km²  b. 420.000km²  c. 520.000km²

3. Dân số Thái-Lan rộng độ:
   a. 20 triệu người  c. 25 triệu người.
   b. 28 triệu người  d. 30 triệu người.

4. Thái-Lan theo chính thể:
   a. Quân chủ  b. Dân chủ.

5. Ở Thái-Lan có làm sân gì đặc biệt?

6. Đường giao thông ở Thái-Lan có gì đặc biệt?

7. Nên thường mài ở Thái-Lan ra sao?

Thái-Lan xuất cảng:  Thái-Lan nhập cảng: